

Số: 1549/BV199-KD
V/v mời chào giá hóa chất, vật tư y tế
bổ sung sử dụng tại Bệnh viện 199
năm 2026

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các Công ty kinh doanh hóa chất, vật tư y tế

Bệnh viện 199 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế bổ sung sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 199 - Bộ Công an
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Trần Quế Anh, cán bộ Khoa Dược - Bệnh viện 199. Điện thoại: 0969.274.828
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện về địa chỉ: Phòng 1018 - Tầng 10, Khu B, Khoa Dược, Bệnh viện 199. Số 216 Nguyễn Công Trứ, Phường An Hải, Thành Phố Đà Nẵng.
 - Nhận qua email: nghiepvuockd199@gmail.com (bản scan và file excel báo giá)
4. Hạn cuối tiếp nhận báo giá: trước 16h ngày 06 tháng 7 năm 2026.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Theo phụ lục:
 - Phụ lục 1: Vật tư y tế tiêu hao thông thường.
 - Phụ lục 2: Vật tư can thiệp mạch
 - Phụ lục 3: Dụng cụ phẫu thuật nội soi các khớp và chấn thương chỉnh hình.
 - Phụ lục 4: Vật tư, Hóa chất xét nghiệm.
 - Phụ lục 5: Mẫu thư chào giá.
2. Đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa chào giá (ghi chú, đánh dấu thông số kỹ thuật đáp

ứng yêu cầu chào giá tại catalogue).

3. Bì thư báo giá rõ tên phụ lục mà công ty báo giá.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty. *llll*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT; KD (Lê 02b).



GIÁM ĐỐC

PGS TS Hoàng Thanh Tuyên

PHỤ LỤC I:
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO THÔNG THƯỜNG

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng cố định 10cm x 12cm	<ul style="list-style-type: none"> - Màng film Polyurethane 3-10%, phủ lớp keo Acrylate 5-15%; chính giữa có Gel CHG 2% kháng khuẩn, kích thước 3 x 4cm; xung quanh viền vải không dệt, có rãnh xê sâu. - Kích thước 10x12cm - Đặc tính: Kháng khuẩn cao (chống lại 1 loạt các vi khuẩn gram dương, âm và nấm), Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính $\geq 27nm$ (HIV-1 và HBV), thấm máu và dịch tiết. Cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm. Cố định chắc chắn, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da. Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu ≥ 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn FDA 	Hộp 50 miếng	Miếng	100
2	Băng dán cố định ống dẫn truyền (Băng dán cố định kim lún trong suốt 6.7cm x 10cm)	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: màng Polyurethane đạt trong khoảng 5-15%, trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic đạt trong khoảng 5-25% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Có viền giấy bo tròn tráng Silicon - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng • Đặc tính: Kháng vi khuẩn/virus với đường kính $>27nm$ (HIV-1, HBV), quan sát được vùng tiêm và vùng da, thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da, hạn chế kích ứng da - Không thấm nước, hàng rào cản chất lỏng theo tiêu chuẩn ASTM-ES-21-1992 hoặc ASRM F1670 - Độ thoát hơi ẩm qua film MVTR tối thiểu 500gram/m²/24h - Trao đổi oxy qua màng theo tiêu chuẩn ASTM-F 1927 ở mức 35% lên đến 2300cc/m²/24h - Kích cỡ: 6cm x 7 cm - Đóng gói tiệt khuẩn riêng từng miếng - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA 	50 miếng/ hộp	Miếng	1.000
3	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc, size 300x90mm	<ul style="list-style-type: none"> Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc, size 300x90mm - Kích thước băng 300x90mm - Kích thước gạc: 250x50mm - Chất liệu băng vải sợi Polyester không đan dệt, keo Acrylic, gạc phủ lớp lưới polyethylene - Tiệt trùng bằng khí E.O - Độ dính: Độ bền bám dính cao su/kim loại: >130 N/m 	25 miếng/ hộp	Miếng	25
4	Bơm tiêm insulin 1cc	<ul style="list-style-type: none"> Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pitt tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx6mm, 32Gx6mm - Sản phẩm được tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Hộp 100 cái (Kiện 4200 cái)	Cái	3.000
5	Bông ngoáy tai cán gỗ 2 đầu	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu: Bông 2 đầu, cán gỗ Màu sắc bông: Trắng. 	100 que/ gói	que	600
6	Canyl khí quản nhựa	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa PVC, 100% không latex - Có bóng thể tích lớn áp lực thấp, cong 90 độ. - Có đủ các cỡ từ 5.0 đến 9.0, OD từ 6.7mm đến 12.0mm, đường kính bóng 16.0mm đến 21.0mm, thể tích bóng 4 đến 9ml, chiều dài 62mm đến 102mm - Đóng gói tiệt trùng 	Gói 1 cái	Cái	30
7	Chất tẩy rửa xử lý cặn, biến màu, rỉ sét dụng cụ y tế	<ul style="list-style-type: none"> Thành phần: Phosphoric acid ($\geq 15 - < 20\%$), Nitric Acid ($\geq 1 - < 3\%$); Dung dịch dùng để loại bỏ các loại chất hữu cơ và cặn vô cơ, cặn oxit và khoáng chất; Không ăn mòn, không chứa chất tạo phức, tan trong nước. Dung dịch sử dụng được cho cả rửa thủ công, máy rửa sóng siêu âm, máy rửa khử khuẩn dụng cụ. 	Can 5 lít	Can	2

Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
8	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Polyglactin 370 là Calcium Stearate số 7/0	<p>Chi khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 7/0 dài ≥ 30cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 2 kim hình thang 3/8 vòng tròn, dài 6.5mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE. 	Hộp/ 12 tép	Tép	48
9	Cồn 70 độ	<ul style="list-style-type: none"> - Tính chất: Dung dịch trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng của ethanol. - Thành phần trong 1500 ml: Ethanol 96 độ: 1094 ml Nước tinh khiết vđ 1500 ml - Định lượng độ cồn: $700 \pm 10\%$ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 	1500ml/chai	Chai	3.000
10	Cồn 96 độ	Ethanol 96%	Can 20 Lít	Lít	1.000
11	Cồn tuyệt đối	Loại bỏ hoàn toàn nước trong ethanol với hàm lượng 99.9%	Can 30 lít	Lít	100
12	Dầu bảo dưỡng dụng cụ phẫu thuật	<p>Công dụng: Dùng để bôi trơn, bảo dưỡng dụng cụ</p> <p>Đặc điểm kỹ thuật:</p> <p>Tương thích với tiệt khuẩn bằng hơi nước, an toàn về mặt độc tính</p> <p>Thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu paraffin: $\geq 30 - < 100\%$ theo khối lượng - Butane: $\geq 15 - < 30\%$ theo khối lượng - Propane: $\geq 15 - < 30\%$ theo khối lượng - Isobutane: $\geq 5 - < 15\%$ theo khối lượng - không chứa bất kỳ phụ gia có khả năng gây dị ứng. <p>Tương thích vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với tất cả các kim loại thường được sử dụng làm dụng cụ y tế <p>Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE.</p>	Chai xịt 200 mL	Chai	30
13	Dầu Parafin	Chất phẩm từ dầu thô tinh khiết, không màu, trong suốt, không mùi, không vị và là chất lỏng dưới dạng dầu, có thể hoà tan trong ether, chloroform, xăng và benzen nhưng không thể hoà tan trong nước và ethanol.	Can 30 lít	Lít	2
14	Dầu sả	Thành phần hoá học chính chứa trong tinh dầu sả chanh là Citral 60-80%, có màu vàng nhạt. Thành phần này rất đặc biệt: Có khả năng đuổi muỗi rất hiệu quả.	Can 30 lít	Lít	4
15	Dây garo (Dây thắt mạch)	<p>Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt. Có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lực kéo đứt (độ bền kéo): ≥ 100 N • Độ đàn hồi tương đối: $\geq 75\%$ • Khả năng bám dính của băng gai: ≥ 5 N • Độ bền miếng dán ≥ 100 lần • Mật độ đường may: ≥ 3 mũi / 1cm • Kích thước: 2,5cm (+,-0.5cm) x 30cm (+,- 2cm) 	10 cái/ gói	Cái	300

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
16	Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp Koko	<ul style="list-style-type: none"> • Thời gian sử dụng: ≤24h, Chất liệu Polypropylene trong suốt • Trọng lượng 30g • Lọc vi khuẩn, virus, làm ẩm và giữ ẩm đường hô hấp • Có công trình lấy mẫu khí CO2, có nắp đậy công để bảo vệ tránh nhiễm khuẩn • Có co nối riêng, có công xả khí • Thiết kế nghiêng 45 độ • Bộ lọc bằng tinh điện. • Có công kết nối khí với thiết bị theo dõi và nắp đậy, có trao đổi nhiệt • Đầu kết nối 22F/15M và 22M/15F • Thể tích lưu thông khí nằm trong khoảng từ 250ml-1500ml • Độ ẩm ngưng ra ≥ 31mg H2O/l air tại Vt : 500ml • Khoảng chết: 25ml • Sự trở kháng: Tại 60L/phút, ≤0,5kpa • Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,99% • Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,99% • Tiết trùng bằng • Đóng gói riêng biệt từng cái Tiêu chuẩn ISO13485, CE hoặc FDA	100 cái/ thùng	Cái	500
17	Gạc dẫn lưu tai mũi họng	Vải không dệt hút nước có độ thấm hút rất cao, mềm mại. Định lượng: 38gsm - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) ≤ 8% - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Quy cách: 0.75 x 200cm x 4 lớp Đóng gói: 1 cái/ túi tiệt trùng. Tiệt trùng Đạt chứng nhận ISO 13485	1 cái/gói	Cuộn	1.500
18	Gạc tiệt trùng 5 x 6,5 x 8 lớp	Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế) mềm mại, thông thoáng, khả năng thấm hút cao và nhanh, mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 10 gam nước trở lên; - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Trọng lượng: ≥ 23g/m2 - Tốc độ hút nước: ≤ 5s - Độ PH: Đạt trung tính - Tinh bột và dextrin: không có - Chất tan trong chất béo: < 0,1% - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Độ ẩm: ≤ 8% Quy cách: 5 x 6.5cm x 8 lớp Đóng gói 2 túi: 1 túi PE + 1 túi giấy y tế chuyên dụng có chỉ thị màu: 10 cái/gói. Tiệt trùng	10 cái/gói	Gói	100
19	Giấy in nhiệt sử dụng cho máy tiệt trùng EO	Giấy in thông số vận hành của máy Steri-Vac™ • Giấy in sử dụng cho máy GS5 và GS8 • In thông tin, dữ liệu vận hành của máy • Kích thước: 79mm (rộng)	2 cuộn/ thùng	cuộn	10
20	Keo dán da	Công dụng: Keo dán da đóng vết mổ thay chỉ khâu. có khả năng ngăn ngừa vi khuẩn 14 ngày, không thay băng, không kiêng nước - Thành phần: 60% 2-Octyl cyanoacrylate + 40% N-Butyl cyanoacrylate - Dung tích: 0,7ml - Khô trong 60 giây, sử dụng trong 1 giờ sau khi mở Tuýp - Sức căng giữ vết thương 11.53N, độ đàn hồi 60%, độ dính cao 251 CP, tỏa nhiệt thấp 3.25°C - Sản phẩm gồm 1 tuýp keo và 1 đầu bôi keo sẵn. - Đóng gói 2 lớp vô trùng - Bảo quản ở nhiệt độ phòng lên đến 30 độ - TCCL: ISO 13485; FDA hoặc CE	Hộp 10 tuýp	Tuýp	15
21	Kim sinh thiết các cơ tương thích với Súng sinh thiết tự động 15/22mm	Kim sinh thiết tự động loại đặc biệt, dùng cho súng Magnum - Đường kính: 12G, 14G, 16G, 18G, 20G. - Chiều dài: 10cm, 13cm, 16cm, 20cm, 25cm, 30cm. - Chiều dài mô cắt mẫu 19mm. - Độ sâu thâm nhập 15mm hoặc 22mm có thể điều chỉnh. - Tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc FDA.	1 cái/túi	Cái	5
22	Lót chống thấm nước dùng băng bó bột cổ định tay ngắn	Làm từ 35% vải cotton và 65% polyester, không gây ngứa và dị ứng da. Kích thước: Rộng 6,5cm, cuộn dài tối thiểu 70cm. ISO 13485	Túi 1 cuộn	Cuộn	300

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
23	Mask thanh quản dùng nhiều lần các số	Mặt nạ thanh quản 2 nòng, dùng 1 lần, có tích hợp 1 nòng đặt sonde dạ dày - Chất liệu: silicon tương thích sinh học, không kích ứng, không latex - Tích hợp ống dẫn lưu dịch dạ dày ra ngoài qua hậu họng, giảm nguy cơ hít sặc - Kích cỡ 1; 1,5; 2; 2,5; 3; 4; 5; trọng lượng từ <5kg - >70kg - Thể tích bóng chèn 4 - 40 ml, tùy cỡ - Kích thước sonde dạ dày tương ứng từ 8 - 16 Fr - Thân ống được gia cố vòng lo xo bên trong chống cản và không bị gấp gãy tác nghẽn - Bóng silicon 2 lớp mềm, trên lưng bóng có khí đệm bảo vệ thanh quản vừa kit cổ họng. Giảm thiểu tác động lên huyết động - Các size 3.0 trở lên có kèm theo stylet	cái / 1 gói	Cái	3
24	Miếng cảm máu phẫu thuật	Vật liệu cảm máu trong 2-4 phút. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 4-6 tuần. Hóa lỏng trong 2-5 ngày tiếp xúc với niêm mạc. Hấp thụ hơn 35 lần trọng lượng của nó trong máu và các chất dịch. Độ pH-trung lập. 100% phân hủy sinh học. Có thể dùng khô hoặc được ngâm tẩm. Tương thích với được phẩm các loại. Có sẵn ở dạng miếng xốp và bột. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Hộp/20 miếng	Miếng	120
25	Miếng dán điện cực đơn cực, lưỡng cực dùng 1 lần	Vật liệu xốp mỏng (foam) PE, Keo dính: dẫn xuất hydrogel, Lớp nền bảo vệ: PETP film. Hình oval, sử dụng được mọi hướng, Có vòng đẳng thể Twinsafe chia tẩm điện cực thành 2 phần đối xứng nhau, điện tích được phân bố đều ở hai bán cực mà không gây bong giảm trở kháng. Kích thước: 176mmx122mm; Độ dày: ≤ 1mm, Diện tích bề mặt dán 169 cm ² , Diện tích vùng dẫn: 110cm ² ; Độ tăng nhiệt trong 60s: <5°C/350mA. Tiêu chuẩn CE - Xuất xứ: G7	5 miếng/ gói	Miếng	500
26	Miếng thoát vị 10x10cm	Mảnh ghép (lưới) dùng trong điều trị thoát vị - Chất liệu polypropylene đơn sợi, tương thích sinh học - Kích thước: 10 x 10 cm, đường kính sợi 0.1mm - Trọng lượng: 40g/m ² ± 10%, - Áp lực bung lưới 6kg/cm ² - Kích thước lỗ 1.0-1.10mm - Độ dày: 0.35 ± 10% - Đặc điểm: Độ co giãn tốt, linh hoạt, ít co rút và cho phép cắt theo hình dạng yêu cầu. Ít gây ra phản ứng với cơ thể. - Tiệt khuẩn	Miếng/ gói	Miếng	20
27	Miếng thoát vị 10x15cm	Mảnh ghép (lưới) dùng trong điều trị thoát vị - Chất liệu polypropylene đơn sợi, tương thích sinh học - Kích thước: 10 x 15 cm, đường kính sợi 0.1mm - Trọng lượng: 40g/m ² ± 10%, - Áp lực bung lưới 6kg/cm ² - Kích thước lỗ 1.0-1.10mm - Độ dày: 0.35 ± 10% - Đặc điểm: Độ co giãn tốt, linh hoạt, ít co rút và cho phép cắt theo hình dạng yêu cầu. Ít gây ra phản ứng với cơ thể. - Tiệt khuẩn	Miếng/ gói	Miếng	25
28	Ống co nối con sâu	Là vật nối trung gian để nối các dây truyền hay dây hút dịch có kích thước khác nhau. Được tiệt trùng	1 cái/ gói	Cái	1.500
29	Que gòn	Bông hút nước 100% cotton (bông xơ, bông tự nhiên, bông y tế); Que nhựa 2 đầu que quấn bông - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) ≤ 8% - Khả năng hút nước: ≥10g nước/g tẩm bông; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; Đường kính đầu bông 3mm-4mm Kích thước que nhựa: ≥7,5cm. Tiệt trùng	20 que/ gói	Que	6.000
30	Que lấy mẫu bệnh phẩm	Bịch 50 que vào bao riêng lẻ, hàn kín vô trùng từng que. Dùng để lấy các mẫu vi sinh cần hoặc không cần môi trường chuyên chở tùy vào mục đích xét nghiệm	Gói 50 cái	cái	1.500

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
31	Sonde Foley 3 nhánh các số	- Dây 3 nhánh có bóng, có chiều dài 40cm (có bóng thể tích 30ml) - Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. - Tiết trùng, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 16 đến 26. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Gói 1 cái	Cái	80
32	Thiết Bị Cắt Bao Quy Đầu II	* Thiết kế dạng pistol, dễ sử dụng, định khâu tự động. * Đầu chụp có vòng cao su để cầm máu * Chủng loại: WHQxxQ * Kích thước gồm: 12Qmm, 15Qmm, 18Qmm, 21Qmm, 26Qmm, 30Qmm, 36Qmm	Cái/ Hộp	Cái	12
33	Thông trái bí các số	Được làm từ cao su thiên nhiên với Silicone phủ trên bề mặt Chiều dài tối thiểu 40cm Có đầu phễu, một đầu hình nấm để giữ ống thông Đóng gói tiết trùng	Gói/cái	Cái	5
34	Túi chườm nóng	Cao su thiên nhiên dẻo mềm (không độc hại), chịu được nhiệt độ cao mà không bị lão hóa, cao su dày dặn đảm bảo không bị xuyên thủng, 2 mặt chườm được thiết kế xê rãnh nhằm tăng hiệu quả tản nhiệt vào vùng cần chườm cũng như tránh tiếp xúc nhiệt độ cao tiếp xúc trực tiếp với da khi chườm nóng. Phần nắp túi bằng nhựa cứng chịu nhiệt, có gioăng cao su 2 lớp chống rò rỉ. Tay cầm cao su tiện lợi cho việc tiếp nước nóng - lạnh.	Gói 1 cái	Cái	12
35	Túi đựng nước tiểu	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phần vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có băng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có băng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiết trùng - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Bịch 10 cái (Kiện 250 cái)	Cái	2.000
36	Thuốc nhuộm bao	Đóng gói vô trùng từng lọ, thể tích 1ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Hoạt chất Trypan Blue (0,06%).	Hộp/5 lọ	Hộp	50
37	Bôi trơn ống tủy	Gel bôi trơn ống tủy với 19% EDTA, tuýp 7g	Tuýp 7g	Tuýp	4
38	Bột xương nhân tạo 0.25g đường kính 1.0-2.0mm	Xương tổng hợp chứa 100% β -TCP (β Tricalcium Phosphate [$Ca_3(PO)_4$] tự thành phần khoáng chất của xương tự nhiên. Kích thước hạt 0.5 - 1mm. Đóng gói tiết trùng 0.5g.	1 lọ/ hộp	Lọ	6
39	Bột xương nhân tạo 0.5cc đường kính 0.5-1.0mm	Xương tổng hợp chứa 100% β TCP (β Tricalcium Phosphate [$Ca_3(PO)_4$], tỉ trọng 0,7g/cm ³ , độ xốp 60%-80%, kích thước phân tử 200-500 micromet. Thành phần hóa học và độ xốp tương tự thành phần vô cơ của xương người. Thành phần tổng hợp không chứa yếu tố nguy cơ gây miễn dịch hay nhiễm trùng thứ cấp. Thẩm hút máu/dịch nhanh chóng nhờ đặc tính xốp của xương. Thời gian hấp thu từ 3-6 tháng. Đóng gói tiết trùng, dạng hạt 0,5-1mm, thể tích 0.5g.	Lọ/ hộp	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
40	Bột xương nhân tạo 1cc đường kính 0.5 - 1mm	Xương tổng hợp chứa 100% β TCP (β Tricalcium Phosphate $[Ca_3(PO)_4]$), tỉ trọng 0,7g/cm ³ , độ xốp 60%-80%, kích thước phân tử 200-500 micromet. Thành phần hóa học và độ xốp tương tự thành phần vô cơ của xương người. Thành phần tổng hợp không chứa yếu tố nguy cơ gây miễn dịch hay nhiễm trùng thứ cấp. Thẩm hút máu/dịch nhanh chóng nhờ đặc tính xốp của xương. Thời gian hấp thu từ 3-6 tháng. Đóng gói tiệt trùng, dạng hạt 0,5-1mm, thể tích 1g.	Lọ/ hộp	Hộp	5
41	Bột xương nhân tạo 1cc đường kính 1.0-2.0mm	Xương tổng hợp chứa 100% β TCP (β Tricalcium Phosphate $[Ca_3(PO)_4]$), tỉ trọng 0,7g/cm ³ , độ xốp 60%-80%, kích thước phân tử 200-500 micromet. Thành phần hóa học và độ xốp tương tự thành phần vô cơ của xương người. Thành phần tổng hợp không chứa yếu tố nguy cơ gây miễn dịch hay nhiễm trùng thứ cấp. Thẩm hút máu/dịch nhanh chóng nhờ đặc tính xốp của xương. Thời gian hấp thu từ 3-6 tháng. Đóng gói tiệt trùng, dạng hạt 1-2mm, thể tích 1g.	Lọ/ hộp	Hộp	5
42	Bột xương nhân tạo 0.50g đường kính 1.0-2.0mm	Xương tổng hợp chứa 100% β TCP (β Tricalcium Phosphate $[Ca_3(PO)_4]$), tỉ trọng 0,7g/cm ³ , độ xốp 60%-80%, kích thước phân tử 200-500 micromet. Thành phần hóa học và độ xốp tương tự thành phần vô cơ của xương người. Thành phần tổng hợp không chứa yếu tố nguy cơ gây miễn dịch hay nhiễm trùng thứ cấp. Thẩm hút máu/dịch nhanh chóng nhờ đặc tính xốp của xương. Thời gian hấp thu từ 3-6 tháng. Đóng gói tiệt trùng, dạng hạt 1-2mm, thể tích 0.5g.	Lọ/ hộp	Hộp	5
43	Cao su nặng	- Công nghệ Snap-set giúp thời gian làm việc và thời gian đông tối ưu. - Khả năng đàn hồi tuyệt vời giúp cho việc gỡ mẫu đầu ra khỏi miệng bệnh nhân dễ dàng hơn. - Được thiết kế cho mọi trường hợp lấy dấu.	Hộp/ 8 cặp	Cặp	1
44	Chân răng nhân tạo Angled abutment gắn lâu dài trong cơ thể	Chất liệu Titanium - Hướng nghiêng 15 độ và 25 độ. - Đường kính 4.0; 4.5; 5.5mm - Chiều cao nướu 1.5; 2.0; 3.0; 4.0; 5.0mm - Đóng gói tiệt trùng.	Hộp 1 cái	Cái	10
45	Chân răng nhân tạo healing abutment gắn lâu dài trong cơ thể	Vật liệu Titanium nguyên chất/hợp kim titanium và giữ được ổn định cao dù tồn tại trong môi trường axit. Trụ lành thương tái tạo mô nướu, cấy ghép kết nối côn, có nhiều kích thước phù hợp Đường kính dao động từ 4.0mm - 6.5mm	Hộp 1 cái	Cái	5
46	Chân răng nhân tạo UF (II) Fixture gắn lâu dài trong cơ thể	Vật liệu Titanium, giữ được ổn định cao dù tồn tại trong môi trường axit. Kết nối hình côn 11 độ hoặc 22 độ, phần dưới lục giác Đường kính trụ dao động từ 3.0 mm - 7 mm, chiều dài từ 7 mm - 15 mm, có nhiều kích thước phù hợp với từng vị trí răng khác nhau	Hộp 1 cái	Cái	10
47	Chất sát khuẩn ống tủy	Loại bỏ các chất vô cơ bằng EDTA-Ca+ - Sũa soạn ống tủy dễ dàng hơn nhờ tác dụng làm mềm ngà ở thành ống tủy - Dùng cho ống tủy hẹp ở những răng sau. - Loại bỏ mủn ngà, giúp làm sạch thành ống tủy	Hộp 100 ml	Hộp	4
48	Chất tẩy trắng răng	Chất tẩy trắng răng	Gói/ ống	Ống	10
49	Chất xử lý bề mặt răng (Acid Etching)	Etching dạng gel chứa 37% H ₃ (PO) ₄ và thành phần polymer giúp phân biệt rõ ràng giữa các vùng răng cần xoi mòn. Hiệu quả xoi mòn tốt bề mặt men răng, ngà răng. Dễ thao tác và sử dụng	Tuýp 3g	Tuýp	10

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
50	Chi co nướu	Chi co nướu dùng để tách nướu trước khi lấy dấu cùi răng, tách nướu trường hợp trám xoang loại V, để định hình đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mão răng, cũng như trước khi gắn mão răng, kiểm soát dưới nướu trong quá trình điều trị nhạy cảm ở cổ răng - Chất liệu: 100% cotton, không ngấm tẩm bất kì hóa chất - Sợi chỉ dạng mảnh và trung bình - Cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chi	Lọ 330 cm	Lọ	5
51	Chốt kim loại	Chốt đặt trong ống tủy chất liệu Titanium. Đường kính đầu chốt 0.8mm hoặc 1.0mm. Gồm các size: 008, 108, 208, 308	Gói/ 25 cái	Cái	20
52	Chốt mooser các cỡ	Chốt đặt trong ống tủy chất liệu Titanium.	Gói/ 25 cái	Cái	20
53	Đai inox (Matrix)	Đai trám kim loại: Có hình dạng theo giải phẫu cho các tiếp xúc lý tưởng. Đường cong ở gờ bên tạo khoảng tiếp cận mặt nhai. Có lỗ bên giúp dễ đặt khuôn. Đai trám dễ tương thích và dễ đánh bóng hơn. Gồm chiều cao 3.5mm, chiều cao 4.5mm, chiều cao 5.5mm, chiều cao 6.5mm, chiều cao 7.5mm	Hộp 50 cái	Cái	100
54	Dây cung nong hàm các size	Stop chặn đầu dây .Kích thước dây 0,013inch; 0,014inch; 0,016inch; 0,018inch; 0,014x0,025, 0,016x0,025, 0,018x0,025	Hộp/ 10 Sợi	Sợi	5
55	Dây cung Tloop các cỡ	Có khả năng đàn hồi . Kích thước 016x022, 017x025	Gói/ 10 sợi	Sợi	30
56	Dây SS 019x25	Dây cung dùng trong chỉnh nha hỗ trợ cố định răng trên cung hàm bệnh nhân. Là dây thép không gỉ có tính cứng rắn cao tính đàn hồi thấp. Thiết diện dây hình chữ nhật	Gói/ 10 sợi	Sợi	10
57	Dây thép tròn SS 018/020	Dây cung dùng trong chỉnh nha hỗ trợ cố định răng trên cung hàm bệnh nhân. Là dây thép không gỉ có tính cứng rắn cao tính đàn hồi thấp. Thiết diện dây hình tròn	Gói/ 10 sợi	Sợi	6
58	Đồ lấy dấu Impression coping	Lấy dấu mở: - Đường kính gồm các cỡ: 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm - Chiều cao gồm: 21mm, 26mm - Đường kính lỗ vận của ốc kết nối: Hex 1.2mm Lấy dấu đóng: - Đường kính gồm các cỡ: 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm - Chiều cao gồm: 15mm, 20mm - Đường kính lỗ vận của ốc kết nối: Hex 1.2mm	Hộp/1 cái	Cái	5
59	Dung dịch súc rửa ống tủy	Dung dịch dùng để rửa và sát trùng tủy trong điều trị nội nha, sát trùng tủy, rửa tủy sau khi trám chất tạo cứng (chelating agent).	Chai/ 500ml	Chai	4
60	Guttapercha các số	Cone gutta percha dùng trám bit ống tủy trong điều trị nội nha. Vạch đánh dấu chiều dài giúp dễ dàng kiểm soát chóp chân răng trong quá trình trám bit ống tủy.	Hộp 120 cái	Cái	1.200
61	Khay lấy dấu inox	Vật liệu thép không gỉ, nhiều cỡ để lấy dấu răng	Cặp 2 cái (1 trên + 1 dưới)	Cặp	5
62	Khay lấy dấu nhựa	Khay lấy dấu nhựa trong suốt có lỗ, hàm trên hoặc hàm dưới	Cái	Cái	20

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
63	Màng xương nhân tạo Collagen kích thước 15x20mm	Thành phần collagen tinh khiết type I chiết xuất từ gân Achilles của bò. Cấu trúc 3D hình thành bởi sợi collagen giúp độ bền và độ co giãn cao. Thời gian hấp thụ dài 16-18 tuần. Đóng gói tiệt trùng. Kích thước 15x20mm. Độ dày 0.3mm	1 cái/ hộp	Cái	2
64	Mũi mài thép	Cho phép loại bỏ hiệu quả. Trụ kim loại, lõi sợi quan	Vi/4 cái	Cái	3
65	Nước tự cứng	Dạng lỏng, kết hợp với bột tự cứng làm hàm giả toàn hàm, bán hàm, đệm hàm, phục hình tháo lắp trên implant	Chai 100ml	MI	100
66	Sáp cắn	- Sản phẩm lá sáp nha khoa loại 2 có độ tan chảy thấp, thích hợp dùng trong các kỹ thuật gián tiếp. - Sản phẩm được cấu tạo bởi các chất esters có trọng lượng mol thấp chiết xuất từ các acid béo có trong các thành phần tự nhiên hoặc nhân tạo ví dụ như các dẫn xuất của dầu hỏa. Các chất này có thể hóa mềm dẻo ở nhiệt độ tương đối thấp (45-55°C). - Màu: hồng, hồng nhạt, đỏ. - Loại: Mềm, trung bình, cứng và siêu cứng	Hộp 500g (25 miếng)	Hộp	7
67	Silicon lấy dấu răng dạng lỏng, đông thường	- Đảm bảo được độ chi tiết cho mẫu dấu ở những vùng đường hoàn tất của phục hình - Độ nhớt và tính kỵ nước cao - Được sử dụng trong kỹ thuật "Correction technique" hoặc kỹ thuật lấy dấu 2 thi	Hộp/ 8 cái	Hộp	1
68	Thạch cao đổ mẫu	Thạch cao siêu cứng là vật liệu dùng để lấy dấu, lấy ni (lấy mẫu ban đầu) của hàm, răng hoặc các chỉ định khác cần lấy mẫu chính xác	Gói/1,5kg	Kg	3
69	Thun tách kẽ xanh	Chun tách kẽ cần quang được cắt chính xác, làm từ vật liệu nhựa đàn hồi không có latex. Không bị thấm nước, duy trì độ đàn hồi mà không bị hư hỏng. Tách kẽ răng nhanh chóng, hiệu quả.	Gói/ 1000 cái	Cái	10
70	Thuốc diệt tủy	D-vitz nên được sử dụng khi chuẩn bị cho quá trình diệt tủy răng và khi chế phẩm không chứa arsen được ưa chuộng hơn. Thành phần hoạt chất là Paraformaldehyde, một chất đông tụ hoạt động trên albumin và tạo độ đặc xơ cần thiết cho tủy để tạo điều kiện cho quá trình loại bỏ tiếp theo. Dạng bột nhào tác dụng nhanh và giảm đau. Dễ đặt Độ chảy lỏng phù hợp khác.	Ống 3g	Chai/ ống	4
71	Quả lọc máu hấp phụ HA330 hoặc tương đương	- Vật liệu vỏ: PC - Vật liệu hấp phụ: Styrene Divinylbenzene resin (styrene-divinylbenzene copolymer hay polystyrene divinylbenzene) - Vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: PVP (Polyvinylpyrrolidone) -Phương thức khử trùng: Hấp tiệt trùng, sản phẩm không chứa pyrogen - Thể tích hấp phụ: 350±15mL - Thể tích khoang máu: 175±25mL - Diện tích hấp phụ: ≥ 135.000m ² - Nội trở tối đa: 4kPa - Lưu lượng máu tối đa tới 250mL/phút - Áp suất chịu đựng tối đa: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Dải hấp phụ: 10~60kDa - Năng lực hấp phụ: Endotoxin: 36.7%-52.5%, TNF-α: 31.1~71.2%, IL-1β: 35%.	10 quả/ thùng	Quả	5
72	Dây dẫn tia Laser 272 nm	- Dây dẫn tia laser 272 μm + Chất liệu Silica theo tiêu chuẩn SMA + Đường kính cỡ 272 μm + Độ dài dây: ≥ 3m + Tái sử dụng nhiều lần Tương thích với máy Laser Sphinx + Tiêu chuẩn: CE	Cái/gói	Cái	2

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
73	Vợt lấy dị vật (Có lưới)	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ sử dụng một lần - Cấu tạo dụng cụ gồm 3 phần: thông lọng (vợt), thân vợt, và tay cầm (đạng trượt và có vòng xoá ngón) - Có thể xoay để lấy dị vật - Lưới vợt dày giúp chịu lực rất tốt - Thông lọng: Đường kính: 30x60 mm; Thành phần: làm bằng thép không gỉ, lưới làm bằng nylon. - Thân vợt: Chiều dài: ≥ 230 cm; Đường kính: 2.5 mm; Thành phần: làm bằng PTFE, PE. - Tay cầm: làm bằng ABS - Dây dẫn hướng làm bằng thép không gỉ và Nitinol - Đóng gói: Được đóng gói trong bao bì tiệt trùng. - Nước sản xuất thuộc Liên minh châu Âu. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE. 	01 cái/ gói	Cái	20
74	Cone gutta percha dùng cho file máy Sirona	Cone gutta percha là cone chính có độ thon 0,4 hoặc 0,6 để trám bít ống tủy sau khi sửa được sửa soạn bằng file máy.	Hộp/ 06 cây	Hộp	12
75	Nút chặn đẩy lưới chỉnh nha	Được sử dụng trong chỉnh nha để làm định hình thẳng răng, đóng kín khoảng răng bị thưa	Gói/ 10 cái	Cái	10
76	Hood chỉnh nha	Hook được sử dụng trong chỉnh nha, chúng được thiết kế để dễ dàng uốn cong vào dây cung để định vị chính xác bên trong hoặc bên ngoài miệng. Khóa chắc chắn, không trượt của chúng nhằm mục đích giữ chúng chắc chắn tại chỗ trong quá trình điều trị. Phù hợp với dây tròn hoặc hình chữ nhật lên đến .018 x .025	Gói/ 20 cái	Cái	10
77	Mũi khoan vùng hàm mặt các loại	Mũi khoan phẫu thuật vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cổ định xương gãy vùng hàm mặt. Chất liệu thép không gỉ, kích thước 1,6 mm. Chiều dài mũi khoan từ 70 đến 75mm (mũi dài) hoặc từ 50 đến 55mm (mũi ngắn), chiều dài làm việc tương ứng từ 20-25mm hoặc 5-7mm.	Gói/ Cái	Cái	4
78	Khẩu trang N95	Khẩu trang gồm 5 lớp: 2 lớp vải không dệt không thấm nước 100% PP Spunbond; 2 lớp giấy lọc khuẩn Meltblown; 1 lớp vải thấm khí hot air cotton. Dây thun đeo tai, mềm mại, đàn hồi tốt. Chiều dài: 17.0 cm \pm 0.5 cm, đường kính 4.5 mm \pm 1 mm. Chiều dài thun khi kéo giãn: 29 - 32cm Nẹp mũi kim loại. Kích thước: dài 9cm \pm 1cm, rộng: 0.5 cm \pm 0.1 cm Kích thước: + Chiều dài (giữa 2 đỉnh gò má): 22.0 cm \pm 3.0 cm + Chiều rộng (từ sống mũi tới cằm): 16.0 cm \pm 3.0 cm Hiệu suất lọc khuẩn (BFE): $\geq 95\%$.	1 Cái/ Gói	Cái	550
79	Túi, bao gói tiệt trùng 200mm x 70m	Túi ép dạng cuộn phù hợp cho các phương pháp tiệt trùng hơi nước và VH2O2. Khả năng chống xâm nhập và bong tróc sợi cao. Kích thước: 200mm x 70m Túi gồm 2 mặt: - Mặt giấy kháng khuẩn. Trọng lượng khoảng 64.4gsm (61.7-67.1), độ dày 157 μ m. - Mặt film: Polymer phức hợp từ PET/PE với trọng lượng 53gsm. Nhiệt độ hàn từ 190°C-230°C. - Đường ép đồng nhất, chặt, không bung, mép thiết kế 3 đường hàn nhiệt chống tái nhiễm. Đường ép kéo dài liên tục không ngắt quãng, đường kéo dài thẳng không lệch. - Tích hợp chỉ thị đổi màu Xanh sang Hồng rõ rệt sau khi tiếp xúc với quá trình tiệt trùng Hydrogen Peroxide. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	2 cuộn/ thùng	cuộn	5

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
80	Túi, bao gói tiệt trùng 250mm x 70m	Túi ép dạng cuộn phù hợp cho các phương pháp tiệt trùng hơi nước và VH2O2. Khả năng chống xâm nhập và bong tróc sợi cao. Kích thước: 250mm x 70m Túi gồm 2 mặt: - Mặt giấy kháng khuẩn. Trọng lượng khoảng 64.4gsm (61.7-67.1), độ dày 157µm. - Mặt film: Polymer phức hợp từ PET/PE với trọng lượng 53gsm. Nhiệt độ hàn từ 190°C-230°C. - Đường ép đồng nhất, chặt, không bung, mép thiết kế 3 đường hàn nhiệt chống tái nhiễm. Đường ép kéo dài liên tục không ngắt quãng, đường kéo dài thẳng không lệch. - Tích hợp chỉ thị đổi màu Xanh sang Hồng rõ rệt sau khi tiếp xúc với quá trình tiệt trùng Hydrogen Peroxide. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	2 cuộn/ thùng	cuộn	5
81	Túi, bao gói tiệt trùng 350mm x 70m	Túi ép dạng cuộn phù hợp cho các phương pháp tiệt trùng hơi nước và VH2O2. Khả năng chống xâm nhập và bong tróc sợi cao. Kích thước: 350mm x 70m Túi gồm 2 mặt: - Mặt giấy kháng khuẩn. Trọng lượng khoảng 64.4gsm (61.7-67.1), độ dày 157µm. - Mặt film: Polymer phức hợp từ PET/PE với trọng lượng 53gsm. Nhiệt độ hàn từ 190°C-230°C. - Đường ép đồng nhất, chặt, không bung, mép thiết kế 3 đường hàn nhiệt chống tái nhiễm. Đường ép kéo dài liên tục không ngắt quãng, đường kéo dài thẳng không lệch. - Tích hợp chỉ thị đổi màu Xanh sang Hồng rõ rệt sau khi tiếp xúc với quá trình tiệt trùng Hydrogen Peroxide H2O2. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	2 cuộn/ thùng	cuộn	5
82	Miếng dán silicon trị sẹo dài 260x35mm	Băng dán, hình chữ nhật, hình vành, hình mô neo: Polydimethylsiloxane, phim polyurethane, phim bảo vệ polyethylene, lớp phủ polyethylene.	Hộp 4 miếng dài	Hộp	2
83	Miếng dán silicon trị sẹo 260x100mm	Băng dán, hình chữ nhật, hình vành, hình mô neo: Polydimethylsiloxane, phim polyurethane, phim bảo vệ polyethylene, lớp phủ polyethylene.	Hộp 2 miếng	Hộp	2
84	Miếng dán silicon trị sẹo đường kính ngoài 70mm; đường kính trong 20mm	Băng dán, hình chữ nhật, hình vành, hình mô neo: Polydimethylsiloxane, phim polyurethane, phim bảo vệ polyethylene, lớp phủ polyethylene.	Hộp 2 miếng	Hộp	2
85	Miếng dán silicon trị sẹo 230x145mm	Băng dán, hình chữ nhật, hình vành, hình mô neo: Polydimethylsiloxane, phim polyurethane, phim bảo vệ polyethylene, lớp phủ polyethylene.	Hộp 2 miếng	Hộp	2
86	Bộ Cassette chứa dịch giảm đau loại dung tích 300ml	Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần bao gồm - 01 Hộp nhựa có màu (tránh thuốc tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng) đựng túi chứa dịch trong suốt có ống nhựa dẫn hồi và dây truyền ngăn nối tới đầu nối Luer kết dính bằng cyclohexanone. Chất liệu: Chất hóa dẻo trong túi thuốc và ống nhựa dẫn hồi: totm, trong dây truyền: dinch; có vách ngăn. - Cung cấp tối thiểu các cỡ có các dung tích: 50ml, 100ml, 150ml, 200ml, 300ml. - Cơ chế chống rò rỉ dịch: 01 Miếng chèn kẹp, 01 kẹp, lò xo nén kẹp chống rò rỉ dịch. - 01 Khóa đóng mở dòng chảy - 01 Dây truyền dịch loại dài chiều dài 100cm, có bộ phận lọc không khí, van chống chảy ngược. Tương thích với bơm truyền dịch có thể truyền ít nhất 100 giờ với tốc độ ≥2ml/h, sử dụng pin dùng một lần, độ chính xác 6%, có các phím bấm bằng cơ học để điều chỉnh các thông số truyền dịch dễ dàng, chính xác. Áp suất truyền tối đa tạo ra 180kpa. Có chức năng phát hiện không khí với các kích thước: Mức cao: 50µL, mức trung bình: 100µL, mức thấp: 200µL. Có sẵn các giao thức lựa chọn chế độ truyền riêng biệt, ít nhất bao gồm: PCA, truyền tự động ngắt quãng, truyền theo thời gian. - Đạt tiêu chuẩn CE.	20 bộ/ thùng	Bộ	50

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
87	Đầu dò mô Amidan và nạo VA dùng cho máy Coblator II	Đầu cắt amidan và nạo VA dùng cho máy Coblator II. Thiết kế có đường nước và sử dụng dung dịch nước muối sinh lý (normal saline) làm chất dẫn điện tạo trường plasma. Cấu tạo: điện cực lưỡng cực, bằng Tungsten có 3 vòng điện cực (3 loop tungsten electrode). Đường kính trục 6mm cải thiện khả năng tiếp cận khoang mũi sau. Các cổng cấp nước muối sinh lý và bộ phận hút tích hợp. Đầu thẳng, có thể uốn cong, chiều dài làm việc là ≥ 6 inches. Chiều dài trục (shaft length) 137mm; vỏ ngoài của trục (shaft outer diameter) 5.8mm; đường kính lòng ống hút (suction lumen diameter) 1.6mm; và đường kính đầu tip hoạt động (active tip diameter) $x=3.4\text{mm}$ & $y=3.8\text{mm}$. Cài đặt mặc định thông số đốt (Coblation/Ablation): 7; cầm máu (Coagulation): 3. Phẫu thuật viên có thể điều chỉnh.	Hộp/ 1 cái	Cái	10
88	Đầu phẫu thuật thanh quản người lớn	Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA. Thiết kế có đường nước và sử dụng dung dịch nước muối sinh lý (normal saline) làm chất dẫn điện tạo trường plasma. Điện cực (screen electrode) giúp loại bỏ chính xác các tổn thương nhỏ nhất. Chiều dài làm việc 19cm, đường kính đầu tip 2.8mm. Trục dài hơn đầu và siêu mảnh để cải thiện việc tiếp cận giải phẫu dưới thanh môn và tăng khả năng nhìn của trường phẫu thuật. Góc 50° cách tay cầm 3cm; đầu tip cong, góc 16° ở đầu xa. Có thể uốn cong. Cài đặt mặc định thông số đốt (Coblation/ Ablation): 7; cầm máu (Coagulation): 3. Bộ đầu: vỏ khuôn, được sản xuất dính liền với bộ dây truyền dịch, cổng hút dịch và dây dẫn nối với máy Coblator II. Chiều dài trục (shaft length) 190mm; vỏ ngoài của trục (shaft outer diameter) 3.25mm; đường kính lòng ống hút (suction lumen diameter) 0.9mm; và đường kính đầu tip hoạt động (active tip diameter) 2.4mm.	Hộp/ 1 cái	Cái	3
89	Đầu mổ xoang, cắt polyp mũi	Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA. Đầu cắt cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút. Tích hợp cầm máu lưỡng cực nhiệt độ thấp. Đường kính trục nhỏ nhất, tăng khả năng uốn dẻo và uốn cong để dàng tiếp cận với khoang mũi sau trong quá trình nạo VA. Có hệ thống phân phối nước muối độc đáo. Công nghệ chống chịu áp lực đảm bảo nhận được dòng nước muối bất kể hướng nào. Chiều dài trục (shaft length) 137mm; vỏ ngoài của trục (shaft outer diameter) 4.6mm; đường kính lòng ống hút (suction lumen diameter) 1.6mm; và đường kính đầu tip hoạt động (active tip diameter) $x = 3.5\text{mm}$ và $y = 4\text{mm}$. Cài đặt mặc định thông số đốt (Coblation/ Ablation): 4; cầm máu (Coagulation): 2.	Hộp/ 1 cái	Cái	5
90	Vật liệu cầm máu mũi, xoang tự tiêu, dạng gel	Cầm máu mũi xoang. Cấu tạo CarboxyMethyl Cellulose (CMC) dạng foam. , tự tan sau 7-10 ngày. Có thể cắt nhỏ sử dụng cho vạt bệnh nhân.	6 cái/ Hộp	Cái	14
91	Đầu dò mô ngáy không có đường nước dùng cho máy Coblator II	Đạt tiêu chuẩn ISO13485, FDA. Đầu được thiết kế góc nghiêng 55 độ và không có đường nước. Tạo trường plasma dịch nội bào trong mô sẽ duy trì trường plasma trong suốt quá trình tạo kênh. Điện cực hoạt động cùn (blunt active electrode), miếng đệm silicon, điện cực hoàn trả (return electrode). Chiều dài trục (shaft length) 105mm; vỏ ngoài của trục (shaft outer diameter) 1.8mm đầu xa; đường kính đầu tip hoạt động (active tip diameter) 0.5mm. Chiều dài của đầu (wand length bao gồm tay cầm): 240mm.	Hộp/ 1 cái	Cái	4
92	Miếng thoát vị 5x10cm	Mảnh ghép (lưới) dùng trong điều trị thoát vị - Chất liệu polypropylene đơn sợi, tương thích sinh học - Kích thước: 5 x 10 cm, đường kính sợi 0.1mm - Trọng lượng: 40g/m ² ± 10%, - Áp lực bung lưới 6kg/cm ² - Kích thước lỗ 1.0-1.10mm - Độ dày: 0.35 ± 10% - Đặc điểm: Độ co giãn tốt, linh hoạt, ít co rút và cho phép cắt theo hình dạng yêu cầu. Ít gây ra phản ứng với cơ thể. - Tiết khuẩn	Miếng/gói	Gói	20
93	Đầu kim bút tiêm insulin	1.Kim vát 5 mặt. 2.Kim: 32G, đầu kim phủ silicone. 3.Chiều dài kim: $\geq 4\text{mm}$. 4.Đường kính lòng kim $\geq 0.23\text{mm}$. 5.Đốc kim tròn viên thành cực mỏng. 6.Thiết kế dễ cầm, dễ sử dụng. 7.Tương thích tất cả các loại bút tiêm. 8.Xuất xứ: Châu Âu.	100 cái/hộp	Cái	5.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
94	Đầu Reflex Ultra PTR đốt cuốn mũi dùng cho máy Coblator II	<p>Đầu ReFlex Ultra PTR đốt cuốn mũi dùng cho máy Coblator II.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CFS, FDA của Mỹ. - Điều trị lý tưởng cho giải phẫu nhỏ hơn. - Điện cực hoạt động bằng nhiệt (pointed active electrode). Cần tạo trường plasma cho đầu đốt trước khi đưa vào cuốn mũi, bằng cách nhúng vào nước muối sinh lý (normal saline). - Đầu ReFlex Ultra PTR được thiết kế góc nghiêng 45 độ và không có đường nước. <p>- Thông số của đầu ReFlex Ultra PTR: chiều dài trục (shaft length) 80mm; vỏ ngoài của trục (shaft outer diameter) 1.4mm đầu xa; đường kính đầu tip hoạt động (active tip diameter) 0.3mm. Chiều dài của đầu (wand length bao gồm tay cầm): 235mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên đầu đốt mỏng hơn, nhọn, có chia hai vạch màu cam được sử dụng như một thước đo để phẫu thuật viên định độ sâu đưa vào đốt trong cuốn mũi. - Cài đặt mặc định thông số đốt (Coblation/ Ablation): 4; cầm máu (Coagulation): 2 <p>- Bộ đầu ReFlex Ultra PTR: vô khuẩn, được sản xuất dính liền với dây dẫn nối với máy Coblator II .</p> <p>- Máy Coblator II và đầu đốt chỉ tương thích, hoạt động an toàn và hiệu quả khi cùng một hãng sản xuất.</p>	1 cái/ hộp	cái	5
95	Đầu PROcise Max chuyên nạo VA dùng cho máy Coblator II (bàn điện cực lớn, dạng lưới - phẳng, tối ưu để dùng nạo VA)	<p>Đầu PROcise Max chuyên nạo VA dùng cho máy Coblator II.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CFS, FDA của Mỹ. - Đường nước được thiết kế đặc đáo đảm bảo cung cấp đủ nước đến đầu điện cực bất kể hướng nào. Sử dụng dung dịch nước muối sinh lý (normal saline) làm chất dẫn điện tạo trường plasma. - Cấu tạo điện cực dạng lưới phẳng (flat screen electrode), tạo trường plasma rộng hơn nên có thể cắt mô nhanh hơn, tăng cường khả năng hút, giúp loại bỏ mô vụn và chất lỏng, giảm nguy cơ tác nghẽn. Đầu nạo VA có thể uốn cong thiết kế phù hợp với giải phẫu để nạo VA dễ dàng . <p>- Thông số kỹ thuật của đầu PROcise Max: chiều dài trục (shaft length) 140mm; vỏ ngoài của trục (shaft outer diameter) 5.0mm; đường kính lòng ống hút (suction lumen diameter) 1.9mm; và đường kính đầu tip hoạt động (active tip diameter) x= 2.9mm & y= 5.4mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cài đặt mặc định thông số đốt (Coblation/Ablation): 7; cầm máu (Coagulation): 3. Phẫu thuật viên có thể điều chỉnh. - Có 4 công năng: cắt, cầm máu, tưới nước và hút. - Bộ đầu PROcise Max: vô khuẩn, được sản xuất dính liền với bộ dây truyền dịch, công hút dịch và dây dẫn nối với máy Coblator II. - Máy Coblator II và đầu cắt EVac 70 Xtra HP chỉ tương thích, hoạt động an toàn và hiệu quả khi cùng một hãng sản xuất . 	1 cái/ hộp	cái	4
96	Đầu đốt cuốn (không có) mũi người lớn và trẻ em	<p>Đầu ReFlex Ultra 45 đốt cuốn mũi dùng cho máy Coblator II.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CFS, FDA của Mỹ. - Điều trị phần trước và sau cuốn mũi. Quy trình thu nhỏ cuốn mũi ít xâm lấn có thể được thực hiện hiệu quả trong phòng phẫu thuật hoặc tại các phòng khám. - Điện cực hoạt động bằng nhiệt. Cần tạo trường plasma cho đầu đốt trước khi đưa vào cuốn mũi, bằng cách nhúng nước muối sinh lý (normal saline). - Đầu ReFlex Ultra 45 được thiết kế góc nghiêng 45 độ và không có đường nước. <p>- Thông số của đầu ReFlex Ultra 45: chiều dài trục (shaft length) 110mm; vỏ ngoài của trục (shaft outer diameter) 1.8mm đầu xa; đường kính đầu Tip hoạt động (active tip diameter) 0.5mm. Chiều dài của đầu (wand length bao gồm tay cầm): 250mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên đầu đốt cùn, dài, trục dày hơn có chia 3 vạch màu đen được sử dụng như một thước đo để phẫu thuật viên định độ sâu đưa vào trong cuốn mũi. Mỗi vạch có độ lớn là 5mm, vạch đầu tiên ở vị trí 15mm tính từ đầu của đầu cắt. <p>- Cài đặt mặc định thông số đốt (Coblation/ Ablation): 4; cầm máu (Coagulation): 2</p> <p>- Bộ đầu ReFlex Ultra 45: vô khuẩn, được sản xuất dính liền với dây dẫn nối với máy Coblator II .</p> <p>- Máy Coblator II và đầu ReFlex Ultra 45 đốt cuốn mũi chỉ tương thích, hoạt động an toàn và hiệu quả khi cùng một hãng sản xuất.</p>	1 cái/ hộp	cái	3
97	Đầu chụp ống nội soi	<p>Dây cap: 11-15.7mm. phù hợp với đường kính ngoài đầu tip dây soi: 8,9-13.9mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài 4mm. 	Cái/gói	Cái	50

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
98	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 4/0	Chi tan nhanh tổng hợp đơn sợi Trustisorb (Polyglecaprone 25) số 4/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tam giác thâm mỹ 3/8c, dài 16 mm. Được cấu thành từ 75% glycolide và 25% epsilon-caprolactone, kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 21-28 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 90 đến 120 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Duy trì sức căng: 50-60% sau 1 tuần, 20-30% sau 2 tuần. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	12 tệp/hộp	Tệp	1.200
99	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 5/0	Chi tan nhanh tổng hợp đơn sợi Trustisorb (Polyglecaprone 25) số 5/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tam giác thâm mỹ 3/8c, dài 16 mm. Được cấu thành từ 75% glycolide và 25% epsilon-caprolactone, kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 21-28 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 90 đến 120 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Duy trì sức căng: 50-60% sau 1 tuần, 20-30% sau 2 tuần. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	12 tệp/hộp	Tệp	1.200
100	Bao cao su	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên, Latex li tâm 2 đầu Chiều rộng: 52 ± 2mm Được bôi trơn bằng dầu silicone.	Hộp 200 cái	Cái	3.000
101	Chi khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6/0	Chi không tan tổng hợp Trustilene (Polypropylene) số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm, kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chi biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Chi được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng tệp dạng dải. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	Hộp 12 sợi	Sợi	120
102	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi Polyglactin 370 là Calcium Stearate số 6/0	Chi khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 6/0 dài 45cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 13mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chi bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chi được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	Hộp/ 12 tệp	Tệp	136
103	Phim Xquang y tế (25x30cm)	- Phim khô laser kích cỡ 25x30 cm, tương thích máy in phim khô laser Fujifilm Drypix series. - Sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. - Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. - Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate (PET): 85-95%; Polymers: 1-10%; Organic silver (bạc hữu cơ): 1-10%; Gelatine: 1-10%; Additives (phụ gia): 0.1-15%; Silver halides (bạc halogenua): 0.05-1%. - Mật độ in phim tối đa 3.3. - Độ dày phim: 186,4 µm Xuất xứ: Nhật Bản	150 tấm/hộp	Tấm	30.000
104	Chi khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylen số 1/0	Chi không tan tổng hợp Trustilene (Polypropylene) số 1, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 40 mm (đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình) kim thép series 300 chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa. Thân kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp cố định kim kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chi biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Tiêu chuẩn: ISO, TCCS, TCVN, CE	12 tệp/hộp	Tệp	240



Handwritten signature or mark.

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
105	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6, số 10/0,	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6 hoặc 6/6 số 10/0 dài 30cm, 2 kim hình thang Micro-point spatula TG 140-6 dài 6,5mm 3/8 vòng tròn, băng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đạt Tiêu Chuẩn: CE	12 tép/hộp	Tép	60
106	Acid Citric	Hoạt tính phân tích: 99-100%.	Bao/ 1 kg	Kg	100
107	Chất hỗ trợ làm khô và làm bóng dụng cụ	- Hỗ trợ làm khô, làm bóng dụng cụ, tránh tạo thành đốm nước trên bề mặt dụng cụ - Phù hợp sử dụng cho máy rửa khử khuẩn tự động - Tương thích với phương pháp tiệt khuẩn bằng hơi nước Thành phần: Axit citric (% theo khối lượng): ≥ 15 % - < 30% Chất hoạt động bề mặt không ion: < 5% Nồng độ sử dụng tối đa: ≤ 1.5 mL/L pH của dung dịch pha loãng ở nồng độ 1%: khoảng 2.6 Tiêu chuẩn: ISO 13485.	can 5 lit	Can	6
108	Chỉ thị hóa học kiểm soát tiệt trùng EO	Sử dụng tương thích Máy tiệt khuẩn EO 3M steri-vac seri GS5, Model: GS5- 2D Chỉ thị hóa học bên trong gói dùng đánh giá chất lượng tiệt khuẩn cho quy trình tiệt khuẩn với khí EO 100% hoặc hỗn hợp khí EO/HCFC (hydrochlorofluorocarbon) - Cấu tạo: + Kiểu đục lỗ ở giữa cho phép sử dụng toàn bộ hoặc nửa chiều dài tùy thuộc vào kích thước gói khác nhau. + Một chỉ thị hóa học bên trong nên được sử dụng bên trong mỗi gói cần khử khuẩn. - Kích thước: 1.5cm x 20cm - Màu đỏ trên que chỉ thị hóa học chuyển sang màu xanh lá khi đạt các điều kiện tiệt khuẩn bằng khí EO - Mục chỉ thị đổi màu sau khi tiếp xúc với các thông số quan trọng của quá trình tiệt khuẩn EO (nồng độ khí EO, thời gian và nhiệt độ, độ ẩm) - Phù hợp cả chu trình tiệt khuẩn EO ở 38 độ C và 55 độ C - Thành phần: Giấy với đốm màu đen và mực chỉ thị 100% - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485:2016 - Xuất xứ: Mỹ (G7)	240 miếng/ hộp; 4 hộp/ thùng	Miếng	720
109	Dung dịch khử khuẩn Glutaraldehyd 2%	Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử) Can 5 lít Xuất xứ: G7 Hiệu quả diệt khuẩn: - Diệt khuẩn EN 14561 (Enterococcus hirae, Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium...) - Diệt bào tử EN 17126 trong 120 phút (Clostridium difficile, Bacillus cereus, Bacillus subtilis) - Diệt virus EN 14476, EN 17111 trong 10 phút Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE	Can 5 lít	Can	50
110	Dung dịch làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ gỉ sét	1. Thành phần: ≥ 52,5% Acid Phosphoric 2. Làm mới dụng cụ và trang thiết bị y tế có chất liệu thép không rỉ. Loại bỏ cặn sắt oxide và các vết oxy hóa khác. Nồng độ pha loãng từ 3% - 5% trong nước ấm Thời gian ngâm: 1 giờ Thay mới dung dịch ngâm tối thiểu 1 lần một ngày 3. Xuất xứ: G7	Can 1 lit	Lít	15
111	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 100mmx200m	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 100mmx200m Bao gồm: - 1 lớp màng film phẳng trong suốt (dùng loại poli-este và polime propylen đặc biệt) - 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế để đảm bảo được độ vô trùng cao. Các lớp màng film trong suốt được thiết kế đúng với tiêu chuẩn. - Dùng cho hấp (Hơi nước), ethylene oxide (EtO): được chuyển đổi chỉ thị màu trên túi hấp. Chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu Vàng nếu tiệt trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đen nếu tiệt trùng bằng hơi nước nhiệt độ 121°C đến 134°C. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	8 cuộn/ thùng	Cuộn	10

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
112	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 300mmx200m	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 300mmx200m Bao gồm: - 1 lớp màng film phẳng trong suốt (dùng loại poli-este va polime propylen đặc biệt) - 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế để đảm bảo được độ vô trùng cao. Các lớp màng film trong suốt được thiết kế đúng với tiêu chuẩn. - Dùng cho hấp (Hơi nước), ethylene oxide (EtO): được chuyển đổi chỉ thị màu trên túi hấp. Chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu Vàng nếu tiệt trùng bằng khí EO, chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đen nếu tiệt trùng bằng hơi nước nhiệt độ 121°C đến 134°C. - Tiêu chuẩn: ISO 13485	2 cuộn/ thùng	Cuộn	10
113	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 300mmx37mmx100m	Túi cuộn tiệt trùng loại phòng 300mmx100m Bao gồm: - 1 lớp màng film phẳng trong suốt, có thể quan sát bên trong túi - 1 lớp giấy chuyên dùng cho bao gói y tế, đạt phẩm cấp y tế - Dùng cho hấp (Hơi nước), ethylene oxide (EtO): được chuyển đổi chỉ thị màu trên túi hấp. Tiêu chuẩn: ISO 13485	1 cuộn/ gói	Cuộn	11
114	Bông cắt sẵn 3cmx3cm	Bông hút nước 100% cotton (bông xơ, tự nhiên, bông y tế). Trắng, đồng đều. Không mùi lạ. Không lẫn tạp chất khi nhìn thấy bằng mắt thường, sợi bông mảnh, mềm. Bông được cắt thành miếng nhỏ vuông, đồng đều về kích thước và trọng lượng. - Tốc độ hút nước: ≤ 5 s; - Khả năng hút nước: ≥ 100 g nước/5g bông - Độ acid và kiềm: Đạt trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% - Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Quy cách: 3 x 3cm, Đóng gói: 500 gam/gói, đóng trong bao PE hàn kín miệng, có nhãn in đầy đủ thông tin sản phẩm Đạt tiêu chuẩn CE	0,5kg/Gói	Kg	300
115	Bình khí EO 100 gram, cho máy EO 5XL	Bình khí ga dùng cho máy tiệt khuẩn 3M™ Steri-Vac™ GS5, Model: GS5- 2D - Sản phẩm sử dụng 1 lần đơn liều, an toàn trong quá trình sử dụng. - Mỗi bình ga đều được cung cấp nắp bảo vệ dẻo màu vàng bảo vệ bộ sung trong quá trình vận chuyển và xử lý - Dung tích 100g - Mỗi bình gas đều có nhận dạng bằng mã quét Barcode 2D bao gồm thông tin: số catalogue, số lô (ngày hết hạn), trọng lượng đầy của bình gas - Thành phần: Ethylene oxide 100%. Không chứa thành phần CFC hoặc HCFC gây hại. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE - Xuất xứ: Mỹ (G7)	12 bình/ hộp	bình	60
116	Bột tiền xử lý dụng cụ phẫu thuật	Thành phần: trong 100 g dung dịch chứa + Chất khử khuẩn: ≥ 0.20 g N,N-Didecyl-N-methyl-poly(oxyethyl) ammonium propionate; ≥ 0.20 g N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine + Enzyme: protease + Chất hoạt động bề mặt	Can 5 lít	Can	7
117	Chỉ thị kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động	Đánh giá hiệu quả của quá trình làm sạch cho máy rửa khử khuẩn tự động Đánh giá hiệu quả của quá trình làm sạch với máy rửa dụng cụ bằng sóng siêu âm, tần số sóng siêu âm ≥ 35 kHz, nhiệt độ giữa 30°C và 70°C - Kích thước: 70 x 30mm ± 5% - Màu ban đầu: Fuchsia (màu hồng). - Kết quả: loại bỏ chất hữu cơ màu hồng.	200 miếng /gói	Miếng	100
118	Test kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước	- Chỉ thị hóa học Type 4 cho tiệt khuẩn hấp ướt, để trong gói dụng cụ. Kích thước: 1,7 cm x 20.5 cm. - Đo lường 2 thông số của quá trình tiệt khuẩn: thời gian – nhiệt độ. - Thành phần: giấy > 99%, Lead Carbonate Hydroxide: 0.5 - 0.9%. - Là chỉ thị hóa học loại 4 theo phân loại của ISO 13485 - Sử dụng cho tất cả quá trình tiệt khuẩn hơi nước từ 121 tới 134 độ C - Duy trì kết quả 6 tháng sau tiệt khuẩn.	250 que / hộp	que	5.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
119	Test kiểm tra lò hấp tiết trùng bằng hơi nước	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định chất lượng lò hấp về: khả năng xuyên thấu hơi nước, khả năng hút chân không, hiện tượng rò rỉ khí lò. - Dùng cho lò hơi nước hút chân không 132-134°C trong thời gian 3.5 - 4 phút để kiểm tra chất lượng lò hấp - Cấu tạo: Một tờ chỉ thị hóa học không chứa chì nhạy cảm với hơi nước được đặt bên trong của gói và 1 chấm tròn màu vàng trên nhãn dán bên ngoài là chỉ thị tiếp xúc - Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 24 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn - Vạch chỉ thị màu vàng trên tờ test bên trong được in theo hình đường chéo sẽ chuyển sang màu nâu đen hoặc màu đen đồng nhất nếu đạt - Kích thước 12.7x11x1.9cm - Thành phần: Coated paper 90 - 98%, Sulphur 1-2%, Acrylic Polymer 0-1%, Mực in không chứa chì (Lead Free) - Đạt tiêu chuẩn FDA - Xuất xứ G7 	Thùng 60 gói	Gói	9.605
120	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylen số 2/0	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ khâu tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylen số 2/0 - Chỉ phẫu thuật dài 90 cm - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mắt, kim phủ silicon. 2 kim tròn 1/2C dài 26mm - Chỉ được làm từ 100% polypropylene - Tiệt trùng - Giấy chứng nhận: ISO 13485 	12 tệp/ hộp	Tệp	700
121	Chỉ khâu phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylen số 3/0	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ khâu tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylen số 3/0 - Chỉ phẫu thuật dài 90 cm - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420). Kim không mắt, kim phủ silicon. 2 kim tròn 1/2C dài 26mm - Chỉ được làm từ 100% polypropylene - Tiệt trùng - Giấy chứng nhận: ISO 13485 	12 tệp/ hộp	Tệp	700
122	Chỉ tan tổng đơn sợi số 4/0	<ul style="list-style-type: none"> Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đơn sợi tổng hợp - Chất liệu Polydioxanone - Cỡ chỉ số 4/0 dài ≥ 75cm - Trương lực còn lại tối thiểu 70% sau 14 ngày, 50 - 60% sau 28 ngày. Tiêu hoàn toàn trong 180 - 210 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 20mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE 	12 sợi/hộp	Sợi	450
123	Kim gây tê đám rối thần kinh dùng với máy Stimulator dài từ 100mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kim gây tê đám rối thần kinh, cỡ 21G, dài 100mm (4") - Kim được lớp phủ cách điện giúp đảm bảo an toàn trong khi tiến hành thủ thuật - Có đánh dấu mỗi khoảng 1 cm trên thân kim, hỗ trợ xác định độ sâu khi chọc dò - Chuôi kim trong suốt có các rãnh chống trượt giúp dễ cầm khi chích và quan sát được dòng chảy khi bơm thuốc - Dây nối bơm thuốc để hạn chế di lệch kim (Chính là dây truyền thuốc gắn cố định với chuôi kim) - Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex 	25 cái/ hộp	Cái	400
124	Kim gây tê đám rối thần kinh dùng với máy Stimulator dài từ 50mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kim gây tê đám rối thần kinh, cỡ 22G, dài 50mm - Kim được lớp phủ cách điện giúp đảm bảo an toàn trong khi tiến hành thủ thuật - Có đánh dấu mỗi khoảng 1 cm trên thân kim, hỗ trợ xác định độ sâu khi chọc dò - Chuôi kim trong suốt có các rãnh chống trượt giúp dễ cầm khi chích và quan sát được dòng chảy khi bơm thuốc - Dây nối bơm thuốc để hạn chế di lệch kim (Chính là dây truyền thuốc gắn cố định với chuôi kim) - Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex 	25 cái/ hộp	Cái	600
125	Dây hút dịch phẫu thuật dùng 1 lần	<ul style="list-style-type: none"> Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Túi 1 cái	Cái	8.000
126	Ống hút bằng nhựa cỡ lớn (Pipep nhựa)	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml. 	500chiếc/túi, 10000c/thùng	Cái	30.100

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
127	Ống cannula	- Chất liệu: nhựa PVC - Chiều dài: 90 cm	40 sợi /hộp	Sợi	100
128	Bình khí plasma	Sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương * Thành phần: - Bao gồm Argon độ tinh khiết 99,9995% - H ₂ O < 3 ppm; N ₂ < 5 ppm; Oxygen < 2 ppm * Bình chứa: - Bình hợp kim nhôm dung tích 8 lít - Kích thước: 159 x 8 x 615 (mm), - Kích thước bao gồm nắp chụp: 159 x 8 x 730 (mm) - Áp suất an toàn của bình chứa: 250 Bar - Áp suất khí nén khí đầy: 130 Bar - Thể tích khí trong bình (Khí giải nén): 1.040 lít * Chuẩn kết nối: - Nối nhanh cơ khí: NTP G 1/4 - 6 mm - Giao diện nối điện từ: HDMI * Quy cách đóng gói yêu cầu: Bình 8 lít * Sản phẩm là hỗn hợp khí trong bình, không bao gồm vỏ bình và các bộ phận đi kèm	Khí nén trong bình hợp kim nhôm dung tích 8L	Bình	30
129	Ống nội khí quản lò xo các số	Công dụng: được sử dụng để đặt nội khí quản miệng và mũi. • Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt, mềm mại. • Lò xo giúp ống không bị gấp lại gây tắc nghẽn khi bệnh nhân co lại cổ. • Tiệt trùng, đóng gói riêng lẻ từng túi.	Thùng/ 100 cái	Cái	1.000
130	Viên khử khuẩn	Viên tẩy khử khuẩn dạng sủi tan nhanh trong nước chứa Na dichloroisocyanurate - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn tường, sàn, giường bệnh, đồ vải... khử khuẩn dụng cụ, thiết bị y tế và môi trường trong y tế. - Ít kích ứng và gây độc, dạng viên nén gọn nhẹ, kinh tế, an toàn, thuận tiện. - Thành phần chính: 50% w/w Sodium Dichloroisocyanurate (2,5 gram Sodium Dichloroisocyanurate/ viên 5 gram - tương đương với 1,5 gram Clorin hoạt tính/ viên 5 gram), acid citric	hộp 100 viên	Viên	10.000
131	Vôi Sodalín	Vôi soda chuyển từ hồng sang trắng, (Net weight: 4.5kg ≈ Volume: 5 Litres) , loại VentiSorb. Thành phần: 80% Calcium Hydroxide, 12 - 19% Water, 3% Sodium Hydroxide. Dạng hạt biên dạng "D". Các hạt riêng lẻ có hình dạng và kích thước không đồng nhất để tối đa hóa khả năng lọc CO ₂ mà không làm cản trở luồng khí Đạt tiêu chuẩn được diễn Mỹ: - Kích thước hạt 90% trong khoảng 2.36mm và 4.8mm - Độ cứng: 95% - Bụi (<0.42mm): 0.3% - Hấp thụ CO ₂ : 25% - Độ ẩm: ~ 16.0% *Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE Xuất xứ: G7	Can 4,5kg (5lít)	Can	50
132	Guide Wire Hydrophilic dài 150cm	* Kích cỡ từ 0.025", 0.028", 0.032", 0.035", 0.038" * Chiều dài : 150cm * Chất liệu: Lõi Nitinol chống gấp, bọc lớp nhựa Polyurethane, 30mm đầu dây phủ thêm lớp ái nước (Hydrophilic) * Thiết kế đầu thẳng linh hoạt	Cái/ gói	Cái	20
133	Rọ Lấy Sỏi 2.5 Fr	* Dùng để gấp và loại bỏ các vật thể lạ ở niệu quản - thận trong quá trình nội soi. * Kích cỡ: 2.5Fr * Dài: 120cm, loại 4 dây * Chất liệu: Nitinol * Tay cầm có thể tháo lắp được Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE	Cái/Hộp	Cái	20
134	Thông lọng cắt polyp đại tràng	- Xoay tiêu chuẩn - Hình lưỡi liềm (bán nguyệt)/ lục giác; - Đường kính ống 2.3 mm, chiều dài làm việc 2300 mm, chiều rộng vòng cắt các cỡ 10/15/20/25/30 mm	10 cái/ hộp	Cái	100

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
135	Bơm tiêm nhựa 20ml	<ul style="list-style-type: none"> + Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 20ml. + Được chia vạch nhỏ nhất là 1ml + Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. + - Pit tổng có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. + - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện + - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. + - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng + Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc tố, không chất gây sốt. 	Hộp/50 cái; Thùng/16 hộp (bao HDPE); Thùng/16 hộp (Ép vi)	Cái	25.000
136	Thông lọng lạnh cát polyp đại tràng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông lọng cát polyp hình khiên, sử dụng 1 lần. - Thiết kế dây bện. - Xoay được 360 độ, 2 chiều. - Đường kính thân: 2.4 mm. - Đường kính dây thông lọng: 0.24mm. - Chiều dài: 2300 mm. - Cỡ thông lọng: 10mm/ 15 mm - Sử dụng cho kênh sinh thiết: ≥ 2.8 mm. 	10 cái/ hộp	Cái	100
137	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	<p>Bộ bao gồm</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Catheter vật liệu PU (polyurethane), có vạch chia cm đánh dấu vị trí đặt ống chính xác, có cân quang 7Fr dài 20cm. 2. Dây dẫn đường nitinol đầu J mềm linh hoạt 0.035" x 60cm 3. 01 Kim nông 8.5Fr x 10cm 4. 01 Kim dẫn hướng 18G x 6.0mm 5. 01 Đầu kết nối chữ Y kết hợp với kim dẫn hướng và bơm tiêm 6. 01 bơm tiêm 7. 01 dao mổ 11 8. 01 bơm tiêm có lỗ luồn guidewire. <p>Có thể kết hợp tự do kim dẫn hướng với bơm tiêm dẫn hướng màu xanh hoặc đầu nối chữ Y</p> <ul style="list-style-type: none"> * Đóng gói tiệt trùng. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE 	1 cái/ bộ	Cái	50
138	Bông ép sọ não (1x8cm)	<p>Gạc không dệt hút nước ép Vải (gạc) không dệt từ polyester và rayon (viscose) thấm hút tốt. Máu trắng, đồng đều. Không mùi lạ, không lẫn tạp chất khi nhìn thấy bằng mắt thường. Đầu bông có gắn chỉ chờ để kiểm soát khi đặt bông vào và lấy ra;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) ≤ 8% - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g bông gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính; Quy cách: 1 x 8 cm x 4 lớp, sợi cân quang Đóng gói: 5 cái/gói. Tiệt trùng bằng EO gas ISO 13485:2016/TCVN ISO 13485:2017; ISO 9001:2015 / TCVN ISO 9001:2015 CE, FDA, cGMP ISO 11135:2014 (đối với sp tiệt trùng) 	5 cái/gói	Cái	600
139	Gói khăn chụp mạch, 7 khoản	<p>Vải không dệt 5 lớp SMMMS 45gsm khăn đạt AAMI mức 3, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Hai bên khăn được thiết kế bằng chất liệu trong suốt giúp nhìn được các máy điều khiển, tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút bằng vải siêu thấm, có phần màng phẫu thuật bằng polyurethane</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khăn trải bàn dụng cụ 140cm x 210cm. Vải không dệt, màng Film PE xanh, băng keo y tế: 01 cái 2. Khăn chụp mạch vành 220cm x 370cm, chất liệu vải không dệt ≥ 5 lớp (SMMMS 45gsm), khăn đạt AAMI mức 3, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Hai bên khăn được thiết kế bằng chất liệu trong suốt giúp nhìn được các máy điều khiển, tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút bằng vải siêu thấm, có phần màng phẫu thuật bằng polyurethane, lỗ đục kích thước 13cm, lỗ trên màng phẫu thuật 7cm: 01 cái 3. Bao chụp đầu đèn đường kính 75cm. Màng Film PE trong: 01 cái 4. Tấm đắp chắn chì 100cm x 140cm. Màng Film PE trong: 01 Cái 5. Bao kính chắn chì 100cm x 120cm có màng thun. Màng Film PE trong: 01 Cái 6. Áo phẫu thuật size L: 02 Cái 7. Khăn lau thấm hút 35cm x 40cm: 02 Cái <p>Đóng gói: 1 bộ/gói. Sản phẩm được đựng trong bao tiệt trùng dùng trong y tế, được tiệt trùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, TCVN ISO 13485:2017, EN ISO 11135:2014 - Được cấp chứng nhận FDA. 	1 Bộ/ Gói	Bộ	30

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
140	Chi Novosyl 4/0	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglycaprone 25 số 4/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược, bằng thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa có phủ silicone cải tiến, dài 16mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày 20% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày. Đạt Tiêu chuẩn: CE	12 tép/hộp	Tép	400
141	Chi Novosyl 5/0	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglycaprone 25 số 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược PS-3 Prime bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 16mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày, 20% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày.	12 tép/hộp	Tép	1000
142	Phim X- Quang y tế 8x10inch (20x25cm)	Kích thước: 8x10inch (20x25cm) - Phim không nhiễm sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường). - Cấu tạo gồm 3 lớp: lớp phủ in phim, lớp nền PET, lớp phủ chống tĩnh điện. - Tương thích với các máy in phim phun y tế Nice Imaging chuẩn Dicom 3.0 trở lên. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO9001 hoặc tương đương và giấy phép lưu hành tự do tại 1 trong các nước thuộc G7 hoặc châu Âu (CFS) (Yêu cầu các tiêu chuẩn chất lượng có hợp pháp hóa lãnh sự)	100 tấm/hộp	Tấm	10.000
143	Phim Xquang y tế 20x25cm	- Kích thước 8x10 inch - Phim X-quang dạng phẳng dẹt, hình chữ nhật - Cấu tạo gồm 3 lớp: Lớp phủ in phim (30 µm), lớp nhựa PET (175 µm), lớp phủ chống tĩnh điện (5 µm) - Phim không nhiễm sáng (sử dụng trong điều kiện ánh sáng môi trường) - Tương thích với máy in Canon PIXMA G1010	100 tấm/hộp	Tấm	5.000
144	Lưới điều trị thoát vị bẹn 3D	1. Chất liệu: polypropylene đơn sợi, nhỡ hình 2. Thông số kỹ thuật - Kích thước: có nhiều kích thước tấm lưới khác nhau: 8.5 cm x 13.7 cm; 10.8 cm x 16.0 cm; 12.4 cm x 17.3 cm. - Trọng lượng: 137.1 g/m ² - Khả năng chịu lực: 75.4 lbf - Kích cỡ mắt lưới: 0.55 mm ² 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật - Lưới thoát vị 3D được thiết kế dạng hình học 3 chiều phù hợp cấu trúc giải phẫu, thích hợp cho mô nội soi TAPP, TEP và TAPP robot. - Có đánh dấu hướng về trục giữa của cơ thể giúp xác định vị trí đặt chính xác - Có thể không cần cố định lưới - Tùy chọn cho thoát vị bẹn bên phải hoặc bên trái 4. Tiêu chuẩn chất lượng - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA (Do cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ cấp)	Hộp/ 1 Cái	Cái	50
145	Dầu bôi trơn dụng cụ phẫu thuật	Dùng để bôi trơn, bảo dưỡng dụng cụ - Tương thích với tiết khuẩn bằng hơi nước - Thành phần: Dầu trắng: ≥ 30; Butane, Propane, isobutan: ≥ 5 %; không chứa phụ gia có khả năng gây dị ứng. - Đóng gói dạng chai xịt 200 mL, có kèm vòi xịt - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016	Chai 200ml	Chai	30
146	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, kích thước 10,2 x 20,3 cm - Chất liệu sợi rayon cellulose thực vật được oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) với nitrous tetra-oxide (N ₂ O ₄) tự tiêu sau 7 -14 ngày. - đường kính sợi rayon 20 - 21µm đồng nhất, trọng lượng 6.2mg/cm ² ±1% - độ pH thấp 2.2 - 2.4 diệt khuẩn gram dương và gram âm. - lượng carboxyl (COOH) 18-21% với độ hao hụt khi sấy khô < 8% và độ bền kéo ướt ≥ 3 lbf giúp tương thích sinh học với mô, bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng. - Hiệu quả cầm máu nhanh < 2 phút. - Đạt tiêu chuẩn FDA, CE	Hộp 12 miếng	Miếng	24

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
147	Clip Polymer kẹp mạch máu các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polymer không tiêu đảm bảo độ tương thích sinh học cao - Clip thiết kế hình cung giúp giữ được nhiều mô hơn. Có khóa đóng nhanh, hiệu quả, an toàn tạo phản hồi xúc giác cho phẫu thuật viên khi đóng clip. Bàn lè động. Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô - Hạn chế tối đa nhiễu khi chụp CT, không cản quang trong chụp X-quang và sự an toàn tuyệt vời không gây nhiễu ảnh trong kết quả MRI. - Kẹp được mạch máu cỡ từ 3 mm đến 16 mm - Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm. Đường kính phần lồi của Clip khi đóng: 1,1-1,2-1,3mm, khi mở: 7,5-10,2-14mm Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: nhóm nước G7	6 cái/vi; 20 vi/hộp	Cái	100
148	Clip Titan kẹp mạch máu các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ 0,59mm-1,42mm. Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kim kẹp clip - Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở dài lần lượt 3,2-4,7-8,0-11,9mm, rộng 2,1-2,9-5,2-5,4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3,7-5,4-9,0-12,3mm Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: nhóm nước G7	6 cái/vi	Cái	100
149	Kim động mạch thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> • Kim chạy thận nhân tạo • Kim phủ Silicon, thành kim siêu mỏng, cắt vát 3 mặt sắc bén, có back eye giảm thiểu chấn thương cho bệnh nhân. • Kim được làm từ thép không gỉ SS304 • Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. • Ống làm bằng nhựa PVC, không chứa DEHP mềm mại, mờ và kháng xoắn • Kẹp: ngăn chặn dòng chảy của chất lỏng • Cán bướm và được mã hoá màu theo từng kích cỡ, cán xoay • Chiều dài kim: 25mm (±1mm),. • Chiều dài ống: 30cm, Đường kính: ID: 3.5mm, OD: 5.5mm • Tiệt trùng bằng khí EO. Đường kính kim (mm) 90231: 16G: 1.64 - 1.66 TCCL: ISO, CE, FSC Châu Âu	Bi 1 Cái	Cái	5.760
150	Dung dịch chạy thận nhân tạo Bicarbonat 1A	Thành phần 1 can 10 lít dd thẩm phân máu đậm đặc Acid đặc chứa: <ul style="list-style-type: none"> • Natri clorid: 1614,0 g • Kali clorid: 54,91 g • Calci clorid.2H2O: 97,45 g • Magnesi clorid.6H2O: 37,44 g • Acid acetic băng: 88,47 g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít • Tương thích tỷ lệ pha Tiêu chuẩn chất lượng: EC. Có ít nhất 1 FSC	can 10 lít; thùng 2 can	Can	1.152
151	Dung dịch chạy thận nhân tạo Bicarbonat 1B	Thành phần 1 can 10 lít dd thẩm phân máu đậm đặc bicarbonate chứa: <ul style="list-style-type: none"> • Natri clorid: 305,8 g • Natri Bicarbonate: 659,4 g • Dinatri Edetat.2H2O 1,0g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tất cả các thành phần và nước tinh khiết đều đáp ứng tiêu chuẩn của Dược điển Châu Âu (EP) • Tương thích tỷ lệ pha: 1 lit dd đậm đặc acid + 34 lit nước đạt tiêu chuẩn + 1,83 lit Bicarbonat. Giới hạn Al ≤ 0,01 mg/l trong dung dịch sẵn sàng sử dụng pH: 7,5-8,3 Tiêu chuẩn chất lượng: EC. Có ít nhất 1 FSC	can 10 lít; thùng 2 can	Can	1.728
152	Dung dịch rửa màng lọc thận	Thành phần dung dịch chứa: <ul style="list-style-type: none"> - Peracetic acid: 5%; - Hydrogen Peroxide: 25% - Acetic Acid: 9% - Nước: 61% Công dụng: làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo. Tẩy trùng đường ống RO. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Can 5 lít	Can	10

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
153	Màng lọc thận 13L, tầng đào thải phosphate	<p>Chất liệu màng lọc: Polyethersulfone. Chất liệu vỏ bọc: Polycarbonate. Chất liệu kết dính: Polyurethane</p> <p>Diện tích màng lọc: 1.4m²</p> <p>Áp lực xuyên màng lớn nhất (TMP Max) 500mm Hg</p> <p>Hệ số siêu lọc: 21ml/giờ/mmHg</p> <p>Thể tích mỗi : 80 mL</p> <p>Tiệt khuẩn: Tia Gamma</p> <p>Độ thanh thải ở lưu lượng: 300ml/phút:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Urea: 252 ml/phút ± 10% - Creatinine: 236 ml/phút ± 10% - Phosphate: 221 ml/phút ± 10% - Vitamin B12: 130 ml/phút ± 10% <p>Độ dày thành: 35µm</p> <p>Đường kính sợi: 200µm</p> <p>Không gây dị ứng, tính hòa hợp sinh học cao. Tiêu chuẩn: CFS châu Âu, CE (MDR), EN ISO 13485:2016</p>	1 Quả / Túi; 24 Quả / Thùng	Quả	480
154	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	<p>Bộ dây chạy thận bao gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch.</p> <p>Bầu nhỏ giọt đường kính ngoài OD: 19mm-30 mm, chiều dài L: 130 mm;</p> <p>đường kính dây bơm (8,0x12x420) mm, chiều dài hiệu dụng 400mm. Có công tắc tiêm phủ silicone y tế.</p> <p>thể tích làm đầy 163±10% mL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 transducer - Túi xả 2000ml - Dây truyền dịch 1500mm - Chất liệu nhựa y tế không chứa Latex, NON-DEHP. 	30 Bộ/Thùng	Bộ	480



PHỤ LỤC II:
DANH MỤC VẬT TƯ CÁN THIỆP MẠCH

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay ái nước	<p>*Dụng cụ mở đường quay cấu trúc lưới đan kim loại, cho thiết kế thành mỏng hơn và đường kính ngoài nhỏ hơn trong khi vẫn bảo toàn khả năng chống gập. Valve cầm máu cài tiền ngăn ngừa máu chảy ngược và ngăn hút khí. Đầu xa phủ ái nước tăng độ trơn để dễ dàng xâm nhập mạch.</p> <p>*Đường kính: từ 4F - 9F.</p> <p>*Chiều dài sheath trong khoảng 7cm, 11cm, 15cm. Guidewire 0.018", 0.025" hoặc 0.035". Loại 6F có đường kính trong 2.18mm. Loại 6.5F đặc biệt có đường kính ngoài bằng với 6F thông thường, có đường kính trong 2.31mm. Phù hợp các ca CTO can thiệp qua đường mạch quay</p>	Hộp 5 cái	Cái	80
2	Bơm tiêm cân quang	<p>Bơm tiêm cân quang:</p> <ul style="list-style-type: none">- Vật liệu chuyên dùng cho y tế.- Thể tích 10ml- Đầu kết nối: Cố định hoặc xoay, kết nối luer 6%- Kích thước trên đoạn thân bơm tiêm có vạch chia: <p>* Đường kính ngoài: 19 ± 0.5mm * Đường kính trong: 16 ± 0.5mm * Chiều dài hiệu dụng: 47 ± 0.5mm</p> <ul style="list-style-type: none">- Đầu nối luer tương thích cổng đực/ cái- Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015	Cái/ Hộp	Cái	150
3	Ống thông chụp mạch ngoại biên	<p>Ống thông chụp đầu tip mềm không chấn thương được bo tròn. Thân phủ lớp ái nước bền vững. Cấu tạo 3 lớp: lớp trong cùng là nylon, lớp giữa là lưới bên bằng thép không gỉ, lớp ngoài cùng là Pebax. Các loại đầu cong phù hợp với thủ thuật chụp ngoại biên: MPA, Cobra, Head Hunter, SIM (simmons), Vertebral, Yashiro, RH, PIG...</p>	Hộp 5 cái	Cái	40
4	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch	<p>Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch:</p> <ul style="list-style-type: none">- Vật liệu: Polycarbonate, vật liệu cấp độ y tế.- Ba ngã (cổng), áp lực 600psi,- Đường kính trong từ 0.22 cm - 0.29 cm- Đầu nối luer tương thích cổng đực/ cái, cổng xoay ON/ OFF.- Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015	Cái/ Hộp	Cái	25
5	Bóng nong mạch vành áp lực cao	<p>Chất liệu: Polyamide resin.</p> <ul style="list-style-type: none">- Kỹ thuật tráng phủ Hydrophilic thể hệ mới → Giúp bóng di chuyển dễ dàng qua những tổn thương khó.- Chiều dài vai bóng 1.5mm, tạo góc 700 khi bơm bóng => giảm chấn thương mạch máu. Đầu tip đến bóng: 6.5mm- Áp lực bơm bóng: 12 bar, áp lực nổ bóng: 20 - 22 bar- Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.52mm- Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.77mm- 0.84mm tùy theo đường kính.- Đường kính: từ 2.0mm - 4.5mm (có loại .25 và .75)- Chiều dài: từ 8mm - 30mm- 2 markers cân quang.- Chiều dài khả dụng Catheter: ≥ 146cm- Nếp gập bóng: 3 nếp	Cái/ Hộp	Cái	25
6	Dây dẫn đường cho Catheter	<p>* Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none">- Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi.- Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten.- Lớp phủ ái nước M coat. <p>* Hình dạng đầu tip: thẳng, gập góc 45 và cong chữ J</p> <p>* Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chiều dài: ≥ 150 cm- Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3cm, 5cm, 8cm- Đường kính ngoài: 0.035"	Bì 1 cái	Cái	150

Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
7	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Bao gồm các thành phần sau: * Kim luồn chọc mạch cỡ 18G * Dây dẫn: Đường kính: 0.035" * Bơm tiêm * Introducer Sheath: - Van cầm máu hình chữ thập kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: Cỡ từ 4Fr - 8Fr - Chiều dài: từ 10cm -16cm và 25 cm - Chất liệu: làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) * Que nong (dilator): - Chất liệu: Polypropylene	Bi 1 cái	Cái	10
8	Bơm tiêm cân quang	Bơm tiêm 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Đầu xoay luer loại Fixed Male - Pit- tông màu xanh da trời Đạt tiêu chuẩn: FDA	Hộp 25 cái	Cái	150
9	Bóng nong mạch vành áp lực cao	_ Công nghệ 2 lớp phủ Hydrophilic bằng sóng siêu âm bên ngoài và bên trong. Bóng chất liệu Property Nylon 3 nếp gấp. _ Tip profile 0.016" _ Hai marker bằng vật liệu Pt/Ir _ Đường kính: 2.0mm - 5.0 mm. Chiều dài: từ 6mm - 30 mm. _ NP: 12atm; RBP: 22atm (2.0mm-4.0mm), 20atm (4.5mm-5.0mm) - Sản xuất tại châu Âu	1 cái/ hộp	Cái	25
10	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay	- Bộ dụng cụ mở đường quay bao gồm: thân sheath, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. - Thân sheath được thiết kế có khả năng chắn xạ. Thân sheath dài 169mm, 219mm và có phủ lớp ái nước Hydrophilic giúp giảm ma sát. Có van cầm máu an toàn - Kích thước: 5F, 6F dài 11cm, 16cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Guidewire đường kính 0.021" x 45cm hoặc 0.025" x 45cm - Kim chọc mạch 21G x 4cm hoặc 20G x 4,5cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	1 cái/ hộp	Cái	120

Handwritten signature

**PHỤ LỤC III:
DANH MỤC DỤNG CỤ PHẪU THUẬT NỘI SOI CÁC KHỚP VÀ CHẤN THƯƠNG CHÍNH
HÌNH**

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 200x210x0,6mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước $\geq 210 \times 200 \times 0,6$mm. - Cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D). - Xuất xứ G7 - Lưới được đánh dấu và chia khu vực vá sọ bằng in laser thành 4 khu vực: Vùng thái dương, vùng trán, vùng đỉnh, vùng chẩm. - Bao gồm dịch vụ uốn tạo hình 3D tiêu chuẩn ISO 13485:2016. - Phần mềm tạo hình 3D có tiêu chuẩn châu âu MDR. 	Miếng/ Hộp	Miếng	12
2	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 150x160x0,6mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước $\geq 160 \times 150 \times 0,6$ mm, cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D). - Xuất xứ G7 - Lưới được đánh dấu và chia khu vực vá sọ bằng in laser thành 4 khu vực: Vùng thái dương, vùng trán, vùng đỉnh, vùng chẩm. - Bao gồm dịch vụ uốn tạo hình 3D tiêu chuẩn ISO 13485:2016. - Phần mềm tạo hình 3D có tiêu chuẩn châu âu MDR. 	Miếng/ Hộp	Miếng	12
3	Miếng vá khuyết sọ flatline kích thước 199x215x0.6mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước dùng vít 2.0 mm. - Cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D) - Lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, tiêu chuẩn chất lượng: CE. Xuất xứ G7 	Miếng/ Hộp	Miếng	12
4	Miếng vá khuyết sọ flatline kích thước 153x161x0.6mm	<ul style="list-style-type: none"> Kích thước 153x161x0.6mm dùng vít 2.0mm. Cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, tiêu chuẩn chất lượng CE. 	Miếng/ Hộp	Miếng	6
5	Miếng vá khuyết sọ flatline kích thước 121x134x0.6mm	<ul style="list-style-type: none"> Kích thước 121x134x0.6mm, dùng vít 2.0mm. Cấu trúc lưới được thiết kế dạng chữ "Y" có thể uốn 3 chiều (3D), lỗ bắt vít dạng counter sink chìm cho phép vít phẳng với bề mặt lưới, tiêu chuẩn chất lượng: CE. Xuất xứ G7 	Miếng/ Hộp	Miếng	5
6	Nẹp vá lỗ khoan sọ dạng tròn, đường kính 10/ 14 mm, dày 1.0 mm	<ul style="list-style-type: none"> Nẹp tròn có 5 lỗ bắt vít, kích thước 10mm/ 14mm, độ dày ≥ 1mm, có 10 khe hở trên nẹp, tương thích với hệ thống vít mini 2.0mm. Xuất xứ G7 	Cái/ Gói	Cái	25



Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
7	Bộ Van dẫn lưu dịch não tủy VP Shunt có thể điều chỉnh 5 mức áp lực từ 30-200mmH ₂ O, loại có khóa chống thay đổi áp lực van do ngoại lực và từ trường MRI	<ul style="list-style-type: none"> - Van có khóa chống thay đổi áp lực khi bị tác động bởi ngoại lực do va đập hoặc khi vào vùng từ trường MRI - Van Có 05 mức lực từ 30mm, 70mm, 110mm, 150mm, 200mm H₂O. - Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép - Đường kính Van 16mm - Có thể đọc trực tiếp áp lực Van thông qua la bàn bộ điều chỉnh hoặc qua phim X quang - Cơ chế hoạt động van dạng bóng trong ống dẫn hình côn và lo xo phẳng. - Bộ điều chỉnh áp lực có 3 phần gồm: <ul style="list-style-type: none"> 01 Khung định vị có vòng xoay hiển thị 04 hệ áp lực 01 La bàn xác định vị trí trung tâm van. 01 Dụng cụ mở khóa van và điều chỉnh áp lực van Kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> - Dây thoát dịch não thất, dài 23cm, đường kính trong 1.3mm đường kính ngoài 2.5mm - Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài ≥ 110cm; đường kính trong 1.1mm đường kính ngoài 2.5mm 	Bộ/ Hộp	Bộ	5
8	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy VP Shunt có thể điều chỉnh được 8 mức áp lực từ 30-200mmH ₂ O	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ chế hoạt động van dạng bóng trong ống dẫn hình côn và lo xo phẳng - Van Có 08 mức lực từ 30mm, 50mm, 70mm, 90mm, 110mm, 140mm, 170mm, 200mm H₂O. - Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép Đường kính van 16mm - Có thể đọc trực tiếp áp lực Van thông qua la bàn bộ điều chỉnh hoặc qua phim X quang - Bộ điều chỉnh áp lực có 3 phần gồm: <ul style="list-style-type: none"> 01 Khung định vị có vòng xoay hiển thị 04 hệ áp lực 01 La bàn xác định vị trí trung tâm van. 01 Dụng cụ mở khóa van và điều chỉnh áp lực van Kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> - Dây thoát dịch não thất, dài 23cm; đường kính trong 1.3mm đường kính ngoài 2.5mm - Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài ≥ 110cm; đường kính trong 1.1mm đường kính ngoài 2.5mm 	Bộ/ Hộp	Bộ	5
9	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy ổ bụng VP Shunt áp lực Cao/ thấp/ trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Van bằng Silicone có tính linh hoạt tránh bị tình trạng dính và biến dạng. - Đế van bằng vật liệu Polypropylene ngăn kim đâm xuyên qua van khi lấy dịch. - Vòm van bằng silicone có tính đàn hồi cao giúp sử dụng với các loại kim cỡ 25 hoặc nhỏ hơn. - Có 3 loại lực: thấp, trung bình, cao. - Kích thước van 6x26mm, hoặc 5x20mm - Các catheter có tấm chất cản quang, đường kính ngoài 2.5 mm và trong 1.3mm. - Dây thoát dịch não thất dài 20cm, có 4 hàng lỗ, mỗi hàng 4 lỗ thoát dịch, có 3 điểm đánh dấu chiều dài, cách nhau 5cm. - Dây thoát dịch ổ bụng có 4 khe thoát dịch ở cuối dây dẫn, dài từ 90cm - 100cm. 	Bộ/ Hộp	Bộ	5

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
10	Bộ Catheter dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài	- Dẫn dịch não tủy (CSF) từ não thất ra ngoài. - Theo dõi áp lực và tỷ lệ chảy của dịch não tủy từ não thất - Giảm áp lực nội sọ (ICP) - Van lọc khí một chiều ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập và hiệu ứng áp lực âm - Hai vị trí lấy dịch và tiêm thuốc não thất - Bình chứa dịch di chuyển theo dõi dòng chảy, có khóa tạm để điều chỉnh áp lực nhanh chóng, chính xác. - Bảng theo dõi và điều chỉnh áp lực nội sọ kích thước 110x630mm, túi chứa dịch 700ml có thể tái sử dụng. Catheter não thất dài ≥ 35 cm.	Bộ/ Hộp	Bộ	5
11	Bộ cố định ngoài cẳng chân	Gồm 2 thanh ren đường kính 8mm, 4 đinh schanz, 16 đai ốc, 8 khối chữ nhật	1 Bộ/Gói	Bộ	10
12	Bộ cố định ngoài chữ T	Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm và 2 thanh ren thép 316 đường kính 6mm, 12 khối chữ nhật, 10 bu lông, 28 đai ốc thép không rỉ, 5 đinh Schanz.	1 Bộ/Gói	Bộ	2
13	Bộ cố định ngoài gần khớp	Gồm 1 thanh cong đường kính 8mm, 1 thanh thép 316 thẳng đường kính 8mm, 1 thanh răng thép 316 đường kính 6mm, 12 khối chữ nhật, 25 bu lông, 4 đai ốc thép không rỉ, 6 đinh Schanz.	1 Bộ/Gói	Bộ	2
14	Bộ cố định ngoài qua gối	Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm, 12 khối chữ nhật, 24 đai ốc, 12 bu lông thép không rỉ, 6 đinh Schanz.	1 Bộ/Gói	Bộ	2
15	Bộ cố định ngoài tay	Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 6mm, 8 khối chữ nhật, 8 bu lông, 16 đai ốc thép không rỉ, 4 đinh Schanz.	1 Bộ/Gói	Bộ	3
16	Bộ cố định ngoài tay đầu dưới xương quay	Gồm 1 thanh tròn thép 316 đường kính 6mm, 2 hệ thống cặp đinh thép không rỉ và nhôm, 4 đinh Schanz 3.5mm.	1 Bộ/Gói	Bộ	3
17	Vít titan mini tự khoan kích thước 2.0x6 mm	Kích thước 2.0x6 mm Nguyên liệu titan loại 6AL4V ELI, bước ren dài 0,75 mm, sâu 0,33 mm Khe vận vít chữ thập kích thước dài, rộng, sâu 3.0x0,9x0,55mm, Tương thích với dụng cụ hệ mini 2.0 mm. Xuất xứ G7	Cái/ Gói	Cái	210
18	Vít xoắn 4.0mm ren bán phần dài các cỡ (từ 30mm->60mm)	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính vít 4.0 mm - Đường kính lõi 1.9 mm - Đường kính đầu vít 6.0 mm - Đường kính đầu lục giác 2.5 mm - Bước ren 1.75 mm - Chiều dài từ 30mm - 60mm, ren bán phần	Bì 1 cái	Cái	50



Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
19	Bộ nẹp vis Răng hàm mặt cố định xương hàm dưới				
19.1	Nẹp titan cố định xương hàm dưới	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium Grade 2 màu vàng - Nẹp hàm trên thẳng 4 lỗ - Đường kính 2.3mm, dày 1.0mm - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE 	Bì 5 cái	Cái	2
19.2	Vít cố định xương hàm dưới	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium - Đường kính 2.3mm - Chiều dài vít: từ 4mm-12mm - Vít tự taro, đầu vận vít dạng chữ thập (Phù hợp với tuốt-nơ-vít Rebstock) - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE 	Bì 5 cái	Cái	8
20	Vít xương thuyền	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium - Đường kính 2.4mm ứng với chiều dài từ 18 -40mm, đường kính K-wire 1.2mm - Đường kính 3.0mm ứng với chiều dài từ 16 -40mm, đường kính K-wire 1.2mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE - Xuất xứ: Trung Quốc (Khối Apec) - Có 01 CFS tại G7 (Đức) - Có trợ cụ hỗ trợ 	Cái/Gói	Cái	15

**PHỤ LỤC IV:
DANH MỤC VẬT TƯ, HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM**

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
I. Hóa chất sử dụng cho Máy sinh hóa tự động AU680					
1	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng ASO, CRP, yếu tố dạng thấp (RF)	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng ASO, CRP, yếu tố dạng thấp (RF); Thành phần: Huyết thanh người (đông khô)	3x1mL	Hộp	3
2	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng ASO, CRP, yếu tố dạng thấp (RF)	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng ASO, CRP, yếu tố dạng thấp (RF); Thành phần: Huyết thanh người (đông khô)	3x1mL	Hộp	3
3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng RF	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm RF; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa RF người; Chất hiệu chuẩn 5 mức; Các giá trị của chất hiệu chuẩn được gán sử dụng các nguyên liệu tham chiếu theo tiêu chuẩn quốc tế WHO	5x1ml	Hộp	3
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng RF	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF; Thành phần: Glycine buffer (pH 8,0) 170 mmol/L; Latex phủ IgG người < 0,5%; Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch; Dải tuyến tính: 10–120 IU/mL; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 10,0% Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10,0%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	4x24ml+4x8ml	Hộp	3
5	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25-hydroxyvitamin D	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 25-hydroxyvitamin D trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, vitamin D 25(OH) với nồng độ xấp xỉ 6, 17, 37, 87 và 210 ng/mL	6x1.4mL	Hộp	3
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng 25-hydroxyvitamin D	Thuốc thử xét nghiệm định lượng 25-hydroxyvitamin D trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Phương pháp: miễn dịch enzyme gắn cạnh tranh, hai bước; Dải đo: xấp xỉ 4,5-210 ng/mL (xấp xỉ 11-525 nmol/L); Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (cứng, đơn dòng) kháng 25(OH) Vitamin D được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, IgG dê, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, acid formic, Poly (vinyl alcohol), chất cộng hợp chất tương tự vitamin D - phosphatase kiềm, đệm ACES	2x50test	Test	1.000
7	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Liquid Specific Protein (LSP CAL)	- Mục đích sử dụng: Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm AAG, AAT, ASO_2, C3, C4, Hapt, IgA_2, IgG_2, IgM_2, PreAlb và Trf - Thành phần: Protein có nguồn gốc từ huyết thanh người; natri azit (0,09%)	6 x 1 x 1.0 mL	Hộp	3
8	Thuốc thử xét nghiệm Rheumatoid Factor (RF)	- Mục đích sử dụng: Hoá chất được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng yếu tố khớp dạng thấp trong huyết thanh người - Thành phần: Thuốc thử 1 (R1): Chất đệm axit sulfonic propane 3-N-Morpholino (pH 7,4) (25 mmol/L); natri azit (0,09%); albumin huyết thanh bò (1,0%); Thuốc thử 2 (R2): Latex tổng hợp IgG (người); natri azit (0,09%) - Dải đo: 3,5–90,0 IU/mL	2 x 180 test/hộp	Hộp	2

Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
9	Hóa chất định lượng LDL-C (trực tiếp)	<p>Hoá chất để xác định định lượng LDL-Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Thành phần: R1- Reagent enzyme (MES đệm pH 6.3, Ascorbic acid oxidase, 4-amino-antipyrine, Peroxydase, Cholesterol oxidase, Cholesterol esterase, Detergent 1, Preservative); R2- Specific detergent (MES đệm pH 6.3, Detergent 2, DSBmT, Preservative); kèm REF 95506 HDL LDL CK-MB CALIBRATOR (R1- Huyết thanh đông khô; R2- Chất pha loãng).</p> <p>Giá trị tuyến tính từ 7 đến 900 mg/dL (0.18 đến 23 mmol/L). Giới hạn phát hiện: khoảng 7 mg/dL. Độ nhạy cho 100 mg/dL: 0.212 Abs tại bước sóng 546 nm. C.V% độ lặp lại $\leq 0.73\%$ C.V% độ tái lặp $\leq 2.27\%$</p>	R1: 2 x 30 ml R2: 2 x 10 ml (Kèm Calibrator)	MI	28
II. Hóa chất sử dụng cho Hệ thống Atellica					
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng LDL Cholesterol	<p>Mục đích sử dụng: được sử dụng trong chẩn đoán in vitro nhằm định lượng cholesterol LDL trong huyết thanh và huyết tương người (lithium heparin, EDTA, natri heparin) Khoảng đo: 5-400mg/dl (0.13 - 10.36 mmol/L)</p> <p>Thuốc thử 1 (R1) Chất đệm MES (pH 6,3); chất tẩy rửa 1; cholesterol esteraza (dầu vết); cholesterol oxidase (dầu vết); peroxidase (dầu vết); 4-aminoantipyrine (4-AA) (< 0,1%); ascorbic acid oxidase (dầu vết); chất bảo quản; albumin huyết thanh bò (< 1%)</p> <p>Thuốc thử 2 (R2) Chất đệm MES; chất tẩy rửa 2; DSBmT (< 0,1%);b chất bảo quản</p>	Hộp (4 x 400 test)	Test	10.000
11	Thuốc thử xét nghiệm testosterone toàn phần	<p>- Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong quá trình định lượng testosterone toàn phần (gắn kết và không gắn kết) trong huyết thanh và huyết tương người</p> <p>!- Thành phần: Gói thuốc thử chính !+Thuốc thử Lite: Hapten được gắn nhãn acridinium ester (36 $\mu\text{g}/\text{mL}$) trong dung dịch muối đệm; chất bảo quản !+Pha rắn: Hạt latex phủ streptavidin (0,33 g/L) trong dung dịch muối đệm; chất bảo quản !+Gói thuốc thử phụ: Chất giải phóng :Chất giải phóng steroid (0,4 $\mu\text{g}/\text{mL}$); kháng thể kháng testosterone đơn dòng ở cừu, được gắn biotin (27 $\mu\text{g}/\text{L}$) trong dung dịch muối đệm; chất bảo quản Chất hiệu chuẩn: Sau khi hoàn nguyên, testosterone loại USP nồng độ cao hoặc thấp được pha thêm vào huyết tương người đã tách fibrin, tách bằng than hoạt tính; natri azit (0,1%); chất bảo quản !- Khoảng đo: 7,00–1500,00 ng/dL (0,24–52,05 nmol/L)</p>	100 test/hộp	Test	500

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
12	Thuốc thử xét nghiệm 25(OH) vitamin D toàn phần	<p>- Mục đích sử dụng: dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng 25(OH)vitamin D toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người (EDTA, lithium heparin và natri heparin)</p> <p>- Thành phần: Gói thuốc thử chính:</p> <p>+Thuốc thử Lite: Kháng thể kháng 25(OH)vitamin D đơn dòng ở chuột được gắn nhãn acridinium ester (~0,8 µg/mL) trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; IgG chuột; natri azit (< 0,1%)</p> <p>+Pha rắn: Kháng thể kháng fluorescein đơn dòng ở chuột được phủ bằng các hạt thuận từ (~0,60 mg/mL) trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; chất hoạt tính bề mặt; natri azit (< 0,1%)</p> <p>+Thuốc thử phụ định trong giếng: Vitamin D-analog tương hợp với fluorescein (~0,2 µg/mL) và 1-anilinnaphthalene-8-sulfonic acid trong chất đệm; albumin huyết thanh bò; natri azit (< 0,1%)</p> <p>+Gói thuốc thử phụ : Chất chống dính trong dung dịch muối đệm; chất ổn định; natri azit (< 0,1%); chất bảo quản</p> <p>+Chất hiệu chuẩn: Sau khi hoàn nguyên, nồng độ 25(OH)vitamin D cao hoặc thấp; huyết tương người có chất đệm đã khử xơ; albumin huyết thanh bò; cholesterol; chất bảo quản; natri azit (< 0,1%)</p> <p>- Khoảng đo: 4,20–150,00 ng/mL (10,50–375,00 nmol/L)</p>	100 test/hộp	Test	500
13	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Vitamin D toàn phần (VitD QC)	<p>-Mục đích sử dụng: được dùng cho chẩn đoán in vitro trong khi theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm VitD</p> <p>-Thành phần: đông khô. Sau khi hoàn nguyên, nồng độ 25(OH)vitamin D cao hoặc thấp; huyết tương người có chất đệm, đã khử xơ với albumin huyết thanh bò; cholesterol; chất bảo quản; natri azit (<0,1%)</p>	3 x 2 x 2 mL	Hộp	2
14	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Bilirubin	- Mục đích sử dụng: Dung dịch hiệu chuẩn cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp và toàn phần.	6 x 3.0 mL	Hộp	3
15	Dung dịch rửa ống hút 1 (APW1)	- Dung dịch phụ cho xét nghiệm - Thành phần: 0,4 N natri hydroxit	2 x 25 mL	Hộp	2
16	Dung dịch pha loãng 3	-Mục đích: Dùng để pha loãng mẫu -Thành phần: Huyết tương người; natri azit (0,1%)	2 x 5 mL	Hộp	2
17	Dung dịch pha loãng xét nghiệm Vitamin D	-Mục đích: Dùng để pha loãng mẫu -Thành phần: Chất đệm photphat; albumin huyết thanh bò; cholesterol; natri azit (< 0,1%)	2 x 25 mL	Hộp	2
III. Hóa chất sử dụng cho máy Biorad CFX96					
18	STD định tính tác nhân Realtime PCR	<p>1) STD: Kỹ thuật Realtime PCR (CE-IVD)</p> <p>'Bộ kit sử dụng công nghệ phân tích đường cong nóng chảy dựa vào probe PNA được đánh dấu huỳnh quang bằng hệ thống real-time PCR. Các vùng gen mục tiêu được xác định bằng cách đo nhiệt độ nóng chảy của probe.</p> <p>- Loại mẫu sử dụng: dịch phết âm đạo và nước tiểu</p> <p>- Bộ kit xác định 13 tác nhân: Chlamydia trachomatis, Ureaplasma parvum, Trichomonas vaginalis, Mycoplasma genitalium, Mycoplasma hominis, Neisseria gonorrhoeae, Ureaplasma urealyticum, Haemophilus ducreyi, Gardnerella vaginalis, Candida albicans, Treponema pallidum, Herpes simplex virus 1, Herpes simplex virus 2.</p>	Bộ / 48 test	Test	480

Handwritten signature

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
	IV. Hoá chất khác				
19	Test nhanh phát hiện phân biệt kháng nguyên virus cúm A, cúm B, và cúm A (H1N1) từ mẫu tăm bông dịch mũi, họng	<p>Test chẩn đoán nhanh cúm A, B; Độ nhạy: $\geq 91.8\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. Dạng que.</p> <p>Sản phẩm không có phản ứng chéo với 32 chủng virus và vi khuẩn gồm Adenovirus type 3, type 6, type 21, CMV, Echovirus type 2, type 5, type 11, HSV, Mumps Virus Ag, Parainfluenza type 1 Strain Sentai, RSV- A2 Strain, Mycoplasma pneumonia, Bordetella pertussis, Klebsiella pneumoniae, Legionella pneumophila,</p> <p>• 1 thanh thử gồm: CỘNG HỢP VÀNG A : Kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm A - keo vàng (0,11\pm0,02μg), CỘNG HỢP VÀNG B : Kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm B - keo vàng (0,06\pm0,01μg), Vạch thử "A": kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm A, Vạch thử "B" : kháng thể đơn dòng chuột kháng cúm B, Vạch chứng: kháng thể dê kháng immunoglobulin chuột (0,7\pm0,14μg).</p> <p>Giới hạn phát hiện trên chủng cúm chuẩn ATCC: cúm A(H1N1) ở nồng độ pha loãng 640 lần, cúm A(H3N2) ở nồng độ pha loãng 1280 lần, cúm B ở nồng độ pha loãng 2560 lần</p> <p>Kèm que kiểm chuẩn cúm A, cúm B và âm tính.</p> <p>Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55\pm1$^{\circ}$C.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE</p>	Hộp 25 Test	Test	600
20	Test nhanh Phát hiện virus HIV	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phát hiện được cả kháng nguyên P24 của HIV 1; kháng thể HIV-1 và kháng thể HIV-2 2. Độ nhạy 100% , độ đặc hiệu $\geq 99,72\%$, 3. Cho kết quả nhanh trong vòng 20 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 40 phút, 4. Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương 5. Sản xuất tại nước thuộc G7. 6. Hoạt chất chính: pTB319 antigen, pGO11 Antigen, gp41 antigen RA43, gp36 antigen RA31, subtype-O antigen RA22, p24 antibody (SD), p24 antibody 2a12-2, p24 antibody 99961, HIV-1 peptide và HIV-2 peptide 7. Đạt tiêu chuẩn WHOPQ 8. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 	Hộp 100 test	Test	15.000
21	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng H.Pylori	<p>MELAB H. pylori Ab RAPID TEST là thử nghiệm sắc ký miễn dịch nhanh, được thiết kế để phát hiện định tính kháng thể (bao gồm IgG, IgM và IgA) kháng vi khuẩn Helicobacter pylori (HP) trong mẫu huyết thanh, huyết tương, hỗ trợ sàng lọc và chẩn đoán các bệnh đường tiêu hóa liên quan đến vi khuẩn này.</p> <p>Thành phần: Kháng nguyên HP tái tổ hợp liên hợp với cộng hợp máu (nano vàng), kháng thể IgG chuột, kháng nguyên HP tái tổ hợp, kháng thể dê kháng IgG chuột. Độ nhạy (Sensitivity): $\geq 98.59\%$</p> <p>Độ đặc hiệu (Specificity): $\geq 95.92\%$</p>	Hộp 25 khay thử	Test	2.400
22	Kit phát hiện kháng thể Treponema Pallidum	<p>Xét nghiệm ngưng kết hạt gelatin để phát hiện các kháng thể kháng Treponema Pallidum trong huyết thanh hoặc huyết tương người.</p> <p>Độ nhạy 100%; độ đặc hiệu 100%</p>	Hộp 220 Test + 9 phiến	Test	660
23	Anti D	<p>Anti-D (Rho): Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti D BS225 (1,0ml). Thuốc thử Anti-D (Rho) là hỗn hợp gồm cả kháng thể đơn dòng IgM và IgG kháng nguyên D</p> <p>- Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác: 100%</p> <p>- Lọ 10ml.</p>	Lọ/ 10ml	MI	580

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
24	Test ma túy 5 trong 1 (MOP/AMP/THC/COD /HER)	<p>Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Mẫu bệnh phẩm: Nước tiểu. Qui cách test thử: (Ngang : 0.42cm, chiều dài: 8cm, độ dày: 0.15cm) Ngưỡng phát hiện: + Amphetamine (AMP): 1.000 ng/ml + Marijuana (THC): 50 ng/ml + Morphine (Nhóm thuốc phiện): 300 ng/ml + Codeine (Nhóm thuốc phiện): 300 ng/ml + Heroin (6- Monoacetylmorphine -nhóm thuốc phiện): 10 ng/ml - Độ nhạy $\geq 99,8\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$. - Độ chính xác $\geq 99,7\%$. - Độ lặp lại: 100% - Độ ổn định: 100%. Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C</p>	15 Test / Hộp	Test	8.100
25	Kit thử nhanh Clamydia	<p>Phát hiện định tính, trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis. - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Độ nhạy: $\geq 93,58\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,08\%$ Thành phần kit thử: 1. Vùng cộng hợp Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 $\mu\text{g/ml}$; 2. Vạch xét nghiệm (T): Kháng thể đơn dòng Chlamydia, chuột (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 ± 0.25 mg/ml; 3. Vạch đối chứng (C): Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 ± 0.25 mg/ml. - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis.....</p>	25 Test/hộp	Test	900
26	Dung dịch KOH 20%	Dung dịch KOH 20%	chai 500ml	ml	1.000
27	Test nhanh phát hiện định tính hemoglobin máu trong mẫu phân người	<p>Xét nghiệm định tính nhanh sắc ký miễn dịch để phát hiện máu ẩn trong phân người. -Độ nhạy tương đối: $\geq 95,8\%$ -Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 98,9\%$ -Độ chính xác: $\geq 97.2\%$. Tiêu chuẩn chất lượng FDA.</p>	Hộp 25 test	Test	200
28	Glucose	Glucose tinh khiết	Gói 500 gam	gam	10.500
29	Đĩa giấy Optochin (P)	Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút cao su dày chặt, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Optochin	Hộp 20 đĩa	Đĩa	600



Handwritten signature or initials.

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
30	Bộ định danh vi khuẩn Gram âm không thuộc họ đường ruột dễ mọc	<p>- Thẻ định danh thủ công RapID sử dụng công nghệ enzyme cho kết quả sau 4 giờ.</p> <p>- Thẻ chứa 17 cơ chất để định danh cho trên 70 loài vi khuẩn Gram âm, lên men và không lên men glucose không thuộc nhóm Enterobacteriaceae.</p> <p>- Thành phần hóa chất: Arginine 1.0%; Aliphatic thiol 0.2%; Triglyceride 1.0%; p-Nitrophenyl-phosphoester 0.1%; p-Nitrophenyl-N-acetyl-β,D-glucosaminide 0.1%; p-Nitrophenyl-α,D-glucoside 0.1%; p-Nitrophenyl-β,D-glucoside 0.1%; p-Nitrophenyl, β,D-galactoside 0.1%; Urea 0.25%; Glucose 1.0%; Proline-β-naphthylamide 0.1%; Pyrrolidine-β-naphthylamide 0.1%; γ-Glutamyl β-naphthylamide 0.1%; Tryptophane β-naphthylamide 0.1%; N-Benzyl-arginine-β-naphthylamide 0.1%; Tryptophane 0.4%; Sodium nitrate 1.0%.</p>	Hộp/20 thẻ	Thẻ	240
31	Bộ định danh vi khuẩn Gram âm thuộc họ đường ruột và oxydase âm tính dễ mọc	<p>- Thẻ định danh thủ công RapID sử dụng công nghệ enzyme cho kết quả sau 4 giờ.</p> <p>- Thẻ chứa 19 cơ chất để định danh cho hơn 70 loài vi khuẩn vi khuẩn thuộc họ Enterobacteriaceae và vi khuẩn oxidase âm tính khác</p> <p>- Thành phần hóa chất: Urea 0.25%; Arginine 1.0%; Ornithine 1.0%; Lysine 1.0%; Aliphatic thiol 0.2%; Fatty acid ester 1.0%; Sugar aldehyde 1.0%; Sorbitol 1.0%; p-Nitrophenyl-β,D-glucuronide 0.1%; σ-Nitrophenyl-β,D-galactoside 0.1%; p-Nitrophenyl-β,D-glucoside 0.1%; p-Nitrophenyl-β,D-xyloside 0.1%; p-Nitrophenyl-n-acetyl-β,D-glucosaminide 0.1%; Malonate 0.5%; Proline-β-naphthylamide 0.1%; γ-Glutamyl-β-naphthylamide 0.1%; Pyrrolidonyl-β-naphthylamide 0.1%; Adonitol 1.0%; Tryptophane 0.4%.</p>	Hộp/20 thẻ	Thẻ	440
32	Bộ định danh Staphylococci	<p>- Thẻ định danh thủ công RapID sử dụng công nghệ enzyme cho kết quả sau 4 giờ.</p> <p>- Thẻ chứa 18 cơ chất để định danh cho hơn 40 loài vi khuẩn thuộc nhóm Staphylococcus và các loài liên quan quan trọng trong y học.</p> <p>- Thành phần hóa chất: Arginine 2.0%; Ornithine 2.0%; Fatty acid ester 2.0%; Sucrose 2.0%; Mannose 2.0%; p-Nitrophenyl-phosphate 0.1%; p-Nitrophenyl-α,D-glucoside 0.1%; p-Nitrophenyl-β,D-glucoside 0.1%; σ-Nitrophenyl-β,D-galactoside 0.1%; p-Nitrophenyl-β,D-glucuronide 0.1%; p-Nitrophenyl-N-acetyl-β,Dglucosaminide 0.1%; Urea 0.6%; Pyrrolidine-β-naphthylamine 0.05%; Arginine-β-naphthylamine 0.05%; Alanine-β-naphthylamine 0.05%; Leucine-β-naphthylamine 0.05%; Leucyl-glycine-β-naphthylamine 0.05%; Potassium nitrate 0.015%.</p>	Hộp/20 thẻ	Thẻ	360
33	Bộ định danh Streptococci	<p>- Thẻ định danh thủ công RapID sử dụng công nghệ enzyme cho kết quả sau 4 giờ.</p> <p>- Thẻ chứa 14 cơ chất để định danh cho hơn 30 loài vi khuẩn thuộc nhóm liên cầu Streptococci và các vi khuẩn Gram dương tương tự khác.</p> <p>-Thành phần hóa chất: L-arginine 2.0%; Esculin 0.5%; Mannitol 1.5%; Sorbitol 1.5%; Raffinose 1.2%; Inulin 1.5%; p-Nitrophenyl-β,D-galactoside 0.1%; p-Nitrophenyl-β,D-glucoside 0.1%; p-Nitrophenyl-n-acetyl-β,D-glucosaminide 0.1%; p-Nitrophenyl phosphate 0.2%; Tyrosine β-naphthylamide 0.05%; Hydroxyproline β-naphthylamide 0.08%; Lysine β-naphthylamide 0.08%; Pyrrolidine β-naphthylamide 0.1%.</p>	Hộp/20 thẻ	Thẻ	120

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
34	Dung dịch chuẩn bị huyền dịch dùng trong định danh thủ công 1ml	Ống chứa 1ml dung dịch chuẩn bị huyền dịch dùng trong định danh thủ công (RapID)	Hộp/20 ống	Ống	560
35	Dung dịch chuẩn bị huyền dịch dùng trong định danh thủ công 2ml	Ống chứa 2ml dung dịch chuẩn bị huyền dịch dùng trong định danh thủ công (RapID)	Hộp/20 ống	Ống	660
36	Thuốc thử phản ứng indol	Thuốc thử phản ứng indole dùng trong RapID. - Thành phần trong gồm: ρ -Dimethylaminocinnamaldehyde, Hydrochloric Acid, nước khử khoáng	Lọ/15ml	MI	150
37	Thuốc thử Nitrate chứa Sulfanilic Acid	Thuốc thử Nitrate A dùng trong hệ thống định danh RapID - Thành phần gồm: Sulfanilic Acid, Glacial Acetic Acid, Demineralized Water.	Lọ/15ml	MI	150
38	Thuốc thử Nitrate chứa n,n-Dimethyl-1-naphthylamine	Thuốc thử Nitrate B dùng trong hệ thống định danh RapID - Thành phần gồm: n,n-Dimethyl-1-naphthylamine, Acetic Acid, Demineralized Water	Lọ/15ml	MI	150
39	Bộ định danh nấm men và vi sinh vật tương tự	- Thẻ định danh thủ công RapID sử dụng công nghệ enzyme cho kết quả sau 4 giờ. - Thẻ chứa 18 cơ chất để định danh cho hơn 40 loài nấm men và vi sinh tương tự quan trọng trong y học. -Thành phần hóa chất: Glucose 1.0%; Maltose 1.0%; Sucrose 1.0%; Trehalose 1.0%; Raffinose 1.0%; Fatty acid ester 1.0%; ρ -Nitrophenyl-N-acetyl- β ,D-galactosaminide 0.05%; ρ -Nitrophenyl- α ,D-glucoside 0.05%; ρ -Nitrophenyl- β ,D-glucoside 0.05%; σ -Nitrophenyl- β ,D-galactoside 0.05%; ρ -Nitrophenyl- α ,D-galactoside 0.05%; ρ -Nitrophenyl- β ,D-fucoside 0.05%; ρ -Nitrophenyl phosphate 0.05%; ρ -Nitrophenyl phosphorylcholine 0.05%; Urea 0.3%; Proline- β -naphthylamide 0.01%; Histidine β -naphthylamide 0.01%; Leucyl-glycine β -naphthylamide 0.01%.	Hộp/20 thẻ (test)	test	120
40	Đầu pipet có lọc 10 μ L vô trùng	- Đầu côn có lọc, tiệt trùng, thể tích 0.1-10 μ l, chống bám dính - Không chứa DNase, RNase, DNA người, ATP, chất ức chế phản ứng PCR và không chứa pyrogen. - Bộ lọc PE trở, kỵ nước không giữ lại hoặc chặn chất lỏng, ngăn chặn nhiễm khí dung và nhiễm mẫu trong quá trình hút mẫu - Được sản xuất từ polypropylene nguyên chất, kỵ nước, đạt tiêu chuẩn USP Class VI, tuân thủ quy định 21 CFR của FDA - Thích hợp với nhiều loại Micropipette	96 cái/hộp	Cái	7.000
41	Đầu pipet có lọc 1000 μ L vô trùng	- Đầu côn có lọc, tiệt trùng, thể tích 100-1000 μ l, chống bám dính - Không chứa DNase, RNase, DNA người, ATP, chất ức chế phản ứng PCR và không chứa pyrogen. - Bộ lọc PE trở, kỵ nước không giữ lại hoặc chặn chất lỏng, ngăn chặn nhiễm khí dung và nhiễm mẫu trong quá trình hút mẫu - Được sản xuất từ polypropylene nguyên chất, kỵ nước, đạt tiêu chuẩn USP Class VI, tuân thủ quy định 21 CFR của FDA - Thích hợp với nhiều loại Micropipette	96 cái/hộp	Cái	7.008

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
42	Que lấy mẫu vô trùng dành cho nam dùng lấy mẫu STD	Que gòn xét nghiệm được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ dùng để lấy mẫu trong xét nghiệm. Thân que bằng sắt, một đầu gòn đung trong ống nghiệm dài khoảng 10 cm, dùng cho Nam. Ống nhựa PP.	100 que/gói	que	1.000
43	Bộ hóa chất đo tải lượng virus HBV (Mastermix và tách chiết)	Bộ thuốc thử Real-time PCR phát hiện định lượng RNA Hepatitis B Virus (HBV) từ huyết tương bằng kỹ thuật Real-time PCR - Thuốc thử đóng gói dạng đông khô trừ chứng âm. - Trong cùng một lọ, các mẫu bệnh phẩm sử dụng cùng một đường chuẩn. - Độ nhạy (ngưỡng phát hiện dưới): 7 IU/ml, độ đặc hiệu: 100% - Khoảng tuyến tính: 7 - 10 ⁸ IU/ml, được xác định dựa theo mẫu chuẩn "3rd WHO International Standard for Hepatitis B Virus" - Đạt tiêu chuẩn CE	96 Test/Bộ	Test	864
44	Bộ hóa chất xét nghiệm Realtime PCR định tính tác nhân lây nhiễm qua đường tình dục STD (Mastermix và tách chiết)	STD: Kỹ thuật Realtime PCR (CE-IVD), Bộ kit sử dụng công nghệ phân tích đường cong nóng chảy dựa vào probe PNA được đánh dấu huỳnh quang bằng hệ thống real-time PCR. Các vùng gen mục tiêu được xác định bằng cách đo nhiệt độ nóng chảy của probe, Loại mẫu sử dụng: dịch phết âm đạo và nước tiểu, Bộ kit xác định >= 13 tác nhân: Chlamydia trachomatis, Ureaplasma parvum, Trichomonas vaginalis, Mycoplasma genitalium, Mycoplasma hominis, Neisseria gonorrhoeae, Ureaplasma urealyticum, Haemophilus ducreyi, Gardnerella vaginalis, Candida albicans, Treponema pallidum, Herpes simplex virus 1, Herpes simplex virus 2, Cung cấp kèm hoá chất tách chiết tương thích với mastermix	Maxtermix: 48 test/hộp. Tách chiết: 50 test/ hộp	Test	864
45	Test pylori (clotest)	NK-PYLORI TEST được dùng để phát hiện và định danh nhanh Helicobacter pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày hoặc môi trường nuôi cấy	Hộp 20 test	Test	2.000
46	Hoá chất xét nghiệm sinh học phân tử phát hiện vi khuẩn lao kháng RIF	- Được sử dụng để phát hiện đồng thời DNA của vi khuẩn lao và vi khuẩn lao kháng Rifampicin trên máy PCR tự động. - Xét nghiệm nằm trong Hướng dẫn Chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao hoặc các văn bản hướng dẫn tương đương của Bộ Y tế - Tích hợp chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR để kiểm soát quá trình phản ứng - Vùng gene đích: rpoB gene; IS6110 & IS1081 - Loại mẫu: tối thiểu gồm mẫu đờm hoặc cặn đờm - Thời gian trả kết quả: + tối đa ≤ 70 phút cho mẫu âm tính+ tối đa ≤ 80 phút cho mẫu dương tính - Độ nhạy: tối thiểu ≥ 99 % (so với mẫu soi kính dương tính/nuôi cấy dương tính) - Độ đặc hiệu: tối thiểu ≥ 95% - Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ từ 2 đến 28 độ C hoặc rộng hơn, - Yêu cầu có máy đi kèm	10 test/hộp	Test	200

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/Đặc tính kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách (tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
47	Hóa chất xét nghiệm sinh học phân tử định lượng DNA của Virus Viêm gan B	<ul style="list-style-type: none"> - Được sử dụng để định lượng DNA của Virus Viêm gan B (HBV) trên máy PCR tự động - Tích hợp tối thiểu 2 chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm để định lượng DNA của virus HBV và kiểm soát có chất ức chế phản ứng PCR. - Tích hợp tách chiết mẫu tự động trong bộ hóa chất xét nghiệm - Vùng gene đích: HBV DNA genotypes A-H - Loại mẫu: tối thiểu gồm huyết thanh hoặc huyết tương có chất chống đông EDTA - Thời gian trả kết quả: tối đa ≤ 65 phút - Dải tuyến tính: tối thiểu ≤ 10 IU/mL, tối đa ≥ 1,000,000,000 IU/mL - Giới hạn định lượng dưới: 10 IU/ml - Độ đặc hiệu: 100% - Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ từ 2 đến 35 độ C hoặc rộng hơn - Yêu cầu có máy đi kèm 	10 test/hộp	Test	400
48	Hoá chất xét nghiệm sinh học phân tử định lượng nhanh RNA của Virus Viêm gan C	<ul style="list-style-type: none"> - Chung loại: Hóa chất xét nghiệm - Được sử dụng để định lượng nhanh RNA của Virus Viêm gan C (HCV) trên máy PCR tự động - Tích hợp chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR để định lượng RNA của virus HCV và kiểm soát sự có mặt của chất ức chế trong phản ứng RT và PCR - Tích hợp tách chiết mẫu tự động trong bộ hóa chất xét nghiệm. - Vùng gene đích: HCV RNA genotypes 1-6 - Loại mẫu: tối thiểu gồm mẫu huyết thanh hoặc huyết tương có chất chống đông EDTA - Thời gian trả kết quả: tối đa ≤ 105 phút - Dải tuyến tính: tối thiểu ≤ 10 IU/mL, tối đa ≥ 100,000,000 IU/mL - Giới hạn định lượng dưới: 10 IU/ml - Độ đặc hiệu: 100% - Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ từ 2 đến 28 độ C hoặc rộng hơn. - Yêu cầu có máy đi kèm 	10 test/hộp	Test	50
49	Hóa chất tách chiết trong sinh học phân tử	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng: cột tách chiết - Mẫu đầu vào: Máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, dịch não tủy (CSF), nước tiểu, đờm, dịch rửa phế quản (BAL), dịch hút, mẫu tinh trùng, bọt ve, nước bọt, mẫu phết - Thể tích mẫu tách: ≤ 200 µl - Đạt các chứng nhận: ISO 13485, CE IVD 	Bộ/ 50 test	Test	500
50	Bộ hồng cầu mẫu AOB	Bộ gồm 3 lọ đựng hồng cầu mẫu loại A, B, O để xác định kháng thể tương ứng trong huyết thanh	(3x10 mL / hộp)	Hộp	28
51	Acid HCl đậm đặc	Acid HCl đậm đặc	500ml/chai	ml	4.000
52	Thạch bột Sabauraud	dùng để nuôi cấy nấm trong vi sinh	500g/1 hộp	Hộp	2
53	Thẻ xét nghiệm định lượng điện giải (Lactate), Khí máu (pH, pCO ₂ , pO ₂ , TCO ₂ , HCO ₃ , BE, sO ₂) dùng cho máy Abbott I-stat	Tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng được trên máy Abbott i-STAT Thông số: pH, PCO ₂ , PO ₂ , TCO ₂ , HCO ₃ , BEecf, sO ₂ , Lactate	25 thẻ/hộp	Thẻ	600

